

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024 và giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 2571/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội ngày 25/11/2024)



NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: /SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày/...../2024.

1. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 62661088 Fax: 024 62661080
Email: info@mmbank.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 02473.045688
Website: <https://mbs.com.vn/>

3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Minh Châu
Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc - Ngân hàng TMCP Quân Đội
Điện thoại: 086 676 0466 / 024 62 777 222 – Ext: 2520

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số.0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024 và giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 2571/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội ngày 25/11/2024)

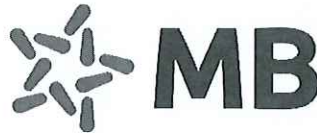
Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 62661088

Fax: 024 62661080

Email: info@mbbank.com.vn

Website: www.mbbank.com.vn



NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên trái phiếu** : Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội (MBBH2430002)
- Loại trái phiếu** : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và đủ điều kiện tính vốn cấp 2 theo quy định.
- Mã trái phiếu** : MBB124022
- Thời điểm đáo hạn** : 30/10/2030
- Mệnh giá** : 100.000 VND/trái phiếu
- Kỳ hạn trái phiếu** : 06 năm
- Nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu** : Nguyên tắc xác định lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi của trái phiếu được Tổ chức phát hành xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất, bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 1,5%/năm.

“Kỳ Điều Chỉnh Lãi”: có nghĩa là mỗi thời hạn kéo dài 12 (mười hai) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mỗi đợt cho đến ngày đáo hạn của Trái Phiếu (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn).

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc trước Ngày Phát Hành mỗi đợt 01 (một) Ngày Làm Việc đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên. Đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Ngày Xác Định Lãi Suất là Ngày Làm Việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày Phát Hành 07 (bảy) Ngày Làm Việc.

Theo nguyên tắc xác định lãi suất như trên, ngày 29/10/2024, MB đã công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) về kết quả xác định lãi suất Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội mã trái phiếu MBBH2430002 ngày phát hành 30/10/2024, ngày đáo hạn 30/10/2030 áp dụng cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên từ và bao gồm ngày 30/10/2024 đến nhưng không bao gồm ngày 30/10/2025 là 6,175%/năm.

Kỳ trả lãi : 12 tháng/ 1 lần
Tổng số lượng niêm yết : 22.594.508 trái phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 2.259.450.800.000 đồng

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.

Điện thoại: 024 3831 5100 Fax : 024 3831 5090

Website: www.ey.com

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	6
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp:.....	9
3. Rủi ro về ngành:.....	10
4. Rủi ro khác:.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.	11
1. Tổ chức niêm yết.....	11
2. Tổ chức tư vấn.....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	12
1. Các khái niệm.....	12
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	15
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	28
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	30
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	38
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	43
6. Hoạt động kinh doanh.....	48
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	67
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	69
9. Chính sách đối với người lao động.....	72
10. Chính sách cổ tức, chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết.....	73
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	75
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	80
13. Tài sản.....	108
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận.....	112
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	114
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	115
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết :.....	121
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT.....	121
1. Tên Trái phiếu:.....	121
2. Loại trái phiếu:.....	121
3. Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:.....	121
4. Mệnh giá:.....	122
5. Tổng số trái phiếu niêm yết:.....	122
6. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:.....	122
7. Xếp hạng tín nhiệm:.....	122
8. Mã Trái phiếu:.....	122

9. Ngày Phát Hành:	122
10. Ngày Đáo Hạn:.....	122
11. Kỳ hạn Trái Phiếu:	122
12. Mục đích phát hành:.....	122
13. Nguồn thanh toán trái phiếu.....	122
14. Lãi suất:.....	123
15. Kỳ trả lãi:	123
16. Phương pháp tính giá	123
17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn.....	126
18. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền.....	127
19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết	127
20. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo.....	128
21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	128
22. Các loại thuế có liên quan	128
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	130
VII. PHỤ LỤC	131
VIII. TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.	132

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MB.....	22
Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của MB	38
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/09/2024	43
Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất).....	48
Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)	49
Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất).....	50
Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)	50
Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB (hợp nhất).....	52
Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của MB (riêng lẻ).....	52
Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)	53
Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)	53
Bảng 12: Phân loại chất lượng tín dụng MB	54
Bảng 13: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại MB	54
Bảng 14: Tỷ lệ trích dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN	55
Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của MB.....	55
Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất).....	56
Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ).....	56
Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (hợp nhất)	59
Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (riêng lẻ)	59
Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng tiêu biểu.....	60
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2022, 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 - Hợp nhất	67
Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2022, 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 - Riêng lẻ.....	67
Bảng 23: So sánh kết quả kinh doanh của MB với một số ngân hàng khác năm 2023.....	71
Bảng 24: Cơ cấu lao động của MB tại 30/09/2024	72
Bảng 25: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây	74
Bảng 26: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất	75
Bảng 27: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ	76
Bảng 28: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất	77
Bảng 29: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ	77
Bảng 30: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất	78
Bảng 31: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ	78
Bảng 32: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất.....	78
Bảng 33: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ	79
Bảng 34: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất	79
Bảng 35: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ.....	80
Bảng 36: Danh sách Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP quân Đội nhiệm kỳ 2024 - 2029	80
Bảng 37: Danh sách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội nhiệm kỳ 2024 - 2029	94
Bảng 38: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng	99
Bảng 39: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)	108
Bảng 40: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ).....	109
Bảng 41: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)	110
Bảng 42: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ).....	111
Bảng 43: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024	112
Bảng 44: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại MB	115

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế**1.1. Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh do:

- a) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;
- b) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- c) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- d) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

MB xây dựng khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức...; triển khai quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo quy trình quản trị với các phương pháp luận vững chắc, giúp đo lường và theo dõi rủi ro lãi suất cơ sở, đáp ứng các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2023, MB tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật các chính sách, quy trình, phương pháp luận đo lường rủi ro, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng như trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất, thay đổi lãi suất thuận, thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu... theo Basel II và hướng tới đáp ứng Basel III.

Ngoài ra MB cũng bước đầu triển khai dự án ALM ứng dụng trong công tác quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đáp ứng thông lệ quốc tế.

1.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng (trừ rủi ro tín dụng đối tác).

Năm 2020-2021, các diễn biến bất ngờ của tình hình thiên tai và dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực tới nhiều ngành, lĩnh vực nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Hoạt động kinh doanh của nhiều khách hàng vay vốn tại MB gặp khó khăn, đặc biệt là trong dịch vụ lưu trú, vận

tài, nông nghiệp, lĩnh vực kinh doanh bất động sản,... tiềm ẩn rủi ro phát sinh nợ xấu cho MB. Trước tình hình đó, MB đã tích cực đồng hành cùng khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ, giảm giải ngân mới, ưu đãi lãi suất,... giúp khách hàng ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn, đồng thời chủ động nhận diện sớm rủi ro, triển khai các biện pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ để giảm thiểu tổn thất cho ngân hàng. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự phục hồi và phát triển an toàn, hiệu quả cho khách hàng, ngân hàng cũng như nền kinh tế, MB không ngừng kiện toàn, chuẩn hóa quy trình, văn bản chính sách và ứng dụng CNTT trong quá trình cấp và quản lý tín dụng.

Năm 2022 – năm 2023, tình hình kinh tế trong nước diễn biến phức tạp, đặc biệt là thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản. Ngân hàng hướng tín dụng vào sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, tín dụng tiêu dùng với mức lãi suất hợp lý, không nói lỏng các điều kiện cấp tín dụng. MB tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, các dự án BOT, BT giao thông, trái phiếu doanh nghiệp. Trên cơ sở Thông tư 02/2023/TT-NHNN Quy định về TCTD, Chi nhánh NHNN cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ Khách hàng gặp khó khăn, MB thực hiện đánh giá danh mục khách hàng để thực hiện cơ cấu nợ cho Khách hàng theo đúng quy định, sẵn sàng nguồn lực cho việc thực hiện TLDP đối với nhóm các Khách hàng được thực hiện cơ cấu. Ngoài ra, MB cũng đã xây dựng và ngày càng hoàn thiện khung quản trị rủi ro tín dụng để nhận diện, đánh giá, đo lường, giám sát, quản lý danh mục rủi ro tín dụng đầy đủ, kịp thời để giúp hoạt động tín dụng của MB đảm bảo tăng trưởng ổn định, bền vững, hiệu quả.

1.3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh từ những biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái, gây ra sự sụt giảm giá trị đối với các tài sản mà MB nắm giữ. Các hoạt động kinh doanh ngoại hối, góp vốn liên doanh, đầu tư ra nước ngoài của MB chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động tỷ giá trên thị trường. Trong đó hoạt động kinh doanh ngoại hối được quản lý ở góc độ Rủi ro thị trường, các hoạt động góp vốn liên doanh và đầu tư ra nước ngoài được quản lý ở góc độ Rủi ro Bảng cân đối (Chênh lệch trạng thái rủi ro ngoại hối giữa tài sản nợ - tài sản có).

Tỷ giá hối đoái tại Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước quản lý và điều tiết, theo đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố tỷ giá bình quân liên ngân hàng và các ngân hàng thương mại sẽ giao dịch ngoại tệ với biên độ cho phép.

Vào thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối tại MB chủ yếu bao gồm các giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi thực hiện với cặp tiền USD - VND và được quản lý trạng thái tập trung tại Hội sở chính. Để quản lý rủi ro tỷ giá, MB đã ban hành một loạt các quy định về chính sách, hạn mức trạng thái ngoại hối, hạn mức lỗ cho phép và sử dụng các công cụ đo lường và hệ thống phần mềm quản lý giao dịch, kiểm soát rủi ro hiện đại, đồng thời nghiên cứu và ứng dụng các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá cho các khoản mục tài sản mà MB nắm giữ.

Đối với khoản đầu tư ra nước ngoài (tại 02 chi nhánh nước ngoài), MB theo dõi và đánh giá định kỳ về thay đổi giá trị của vốn góp dưới tác động của tỷ giá để từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp (ví dụ như hedging bằng một hợp đồng phái sinh ngoại hối)

1.4. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro do: (a) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc (b) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ngân hàng. Đây là rủi ro có thể khiến các ngân hàng đổ vỡ nhanh nhất và thông thường là hậu quả của các rủi ro khác, do đó, bên cạnh việc làm tốt công tác quản trị với các loại rủi ro khác, quản trị rủi ro thanh khoản tại MB được đặc biệt quan tâm.

Với khung quản trị rủi ro thanh khoản chặt chẽ bao gồm 3 vòng phòng vệ, MB thực hiện quản trị rủi ro thanh khoản trong ngày, quản lý nguồn vốn huy động, quản lý dòng tiền tối thiểu và dự phòng thanh khoản sớm ít nhất 30 ngày, quản lý tài sản thanh khoản cao theo thời gian thực đồng thời đánh giá khả năng chuyển đổi sang tiền mặt, quản lý nguồn thanh khoản, quản lý rủi ro thanh khoản sản phẩm mới, thị trường mới; và quản lý rủi ro thanh khoản trong giai đoạn khủng hoảng.

Đo lường và kiểm soát rủi ro thanh khoản tại MB được thực hiện liên tục trong ngày đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các giới hạn thanh khoản của NHNN và nội bộ từng thời kỳ. Báo cáo cảnh báo sớm về rủi ro thanh khoản đánh giá hàng ngày để có các biện pháp xử lý thiếu hụt thanh khoản tạm thời và dài hạn kịp thời (nếu có).

MB triển khai đo lường và xây dựng lộ trình đáp ứng các chỉ tiêu thanh khoản như Tỷ lệ bao phủ thanh khoản LCR và Tỷ lệ tài trợ ròng NSFR theo tiêu chuẩn Basel III, khắt khe hơn quy định của NHNN Việt Nam; đồng thời tối ưu các mô hình trong quản lý rủi ro thanh khoản như mô hình dự báo dòng tiền vào/dòng tiền ra, mô hình xác định các tỷ lệ hành vi của khách hàng bao gồm tỷ lệ rút trước hạn, tỷ lệ tái tục tự động tiền gửi, tỷ lệ trả nợ trước hạn và quá hạn hàng ngày của khách hàng,... giúp đánh giá mức độ tác động đến thay đổi dòng tiền so với kỳ hạn danh nghĩa, giúp ngân hàng xác định được chính xác hơn trạng thái thanh khoản thực, đưa ra các biện pháp cân đối vốn hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả quản trị.

1.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng,... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

2. Rủi ro về luật pháp:

Nhìn chung, nền kinh tế và thị trường tại chính Việt Nam đang trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Sự thay đổi trong chính sách hay trong cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Khung pháp lý và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã và đang được triển khai kể từ thời điểm bắt đầu chính sách “đổi mới” vào năm 1986 và hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Trong những năm gần đây, mặc dù các văn bản pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận,

nhưng sự không rõ ràng của một số quy định trong các văn bản luật như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và sự thi hành của các luật này phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính Phủ và các bộ vẫn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước khác đang chuẩn bị ban hành và/hoặc thay đổi các chuẩn mực và đưa ra những hướng dẫn và các quy định giám sát đối với hoạt động của MB. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của MB và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của MB. Các nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu cũng nên lưu ý rằng các quy định pháp luật của Việt Nam có thể khác so với quy định tại các nước khác.

3. Rủi ro về ngành:

Bên cạnh những rủi ro kinh tế, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Tổ Chức Phát Hành.

3.1. Rủi ro về thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: a) Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên số kinh doanh của ngân hàng; b) Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ; c) Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên số kinh doanh của ngân hàng; d) Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

Trạng thái rủi ro thị trường trên số kinh doanh của Ngân hàng được đo lường thông qua các công cụ, mô hình hiện đại và được quản lý bằng việc thiết lập các loại hạn mức, cảnh báo sớm, đồng thời thực hiện cơ chế theo dõi, giám sát hàng ngày. Đơn vị đo lường, giám sát rủi ro thị trường độc lập với đơn vị sở hữu rủi ro thị trường, đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan trong công tác quản lý rủi ro của MB.

3.2. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm: (a) Rủi ro danh tiếng; (b) Rủi ro chiến lược. Để quản trị rủi ro hoạt động hiệu quả, MB đã xây dựng Khung quản trị rủi ro (QTRR) hoạt động chặt chẽ theo thông lệ quốc tế Basel II (bao gồm: khẩu vị, chiến lược, chính sách QTRR hoạt động, hồ sơ rủi ro hoạt động) và trang bị các công cụ QTRR hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai (bao gồm: công cụ Thu thập và quản lý dữ liệu tổn thất LDC, công cụ Tự đánh giá rủi

ro và kiểm soát RCSA, công cụ Chi số rủi ro chính KRI; công cụ tính vốn).

MB chú trọng xây dựng hệ thống quy định, quy trình nghiệp vụ kinh doanh và vận hành đầy đủ; có hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ từ Hội sở đến Chi nhánh; thiết lập và duy trì ổn định hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

3.3. Rủi ro tập trung

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, hoạt động cho vay của MB thường tập trung vào một số nhóm ngành. Do vậy, sự suy thoái của một số ngành kinh tế có thể dẫn đến việc gia tăng nợ xấu của MB. Điều này có thể có ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của MB.

Tuy nhiên các nhóm ngành MB tập trung tài trợ được lựa chọn trên cơ sở đánh giá, phân tích kỹ lưỡng về tiềm năng, xu hướng phát triển và vị thế trong nền kinh tế Việt Nam, đồng thời MB cũng thiết lập hạn mức tín dụng đối với từng nhóm ngành cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro tập trung.

4. Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro trình bày trên, MB còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của MB.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Lưu Trung Thái	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Phạm Như Ánh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Lê Thị Lợi	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Bà: Nguyễn Thị Thanh Nga	Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện được Đại diện theo pháp luật ủy quyền:

Ông: Lê Thành Nam

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 13/2023/MBS-UQ ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 22/2023/MBS/IBHN-HĐTV ngày 02 tháng 10 năm 2023 với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội cung cấp.

AN: 01
NG
TH
C
Q
CAU
L
B

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản cáo bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

- “Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu”: là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu.
- “Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu”: là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- “Kỳ Tính Lãi”: là 12 tháng 1 lần, kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- “Kỳ Thanh Toán Lãi”: là mỗi thời hạn kéo dài 12 (mười hai) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành mỗi đợt cho đến Ngày Đến Hạn Gốc
- “Ngày Phát Hành”: là ngày 30/10/2024
- “Ngày Bắt Đầu Tính Lãi Trái Phiếu” là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- “Ngày Chốt Danh Sách” là:
 - (i) Ngày Làm Việc thứ 05 (năm) trước Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác hoặc ngày thực hiện quyền, nghĩa vụ khác đối với Trái Phiếu và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu; hoặc
 - (ii) Ngày được ấn định theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành hoặc theo quy định của VSDC hoặc SGDCK để thực hiện việc đăng ký lưu ký, đăng ký niêm yết hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với và liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- “Ngày Đáo Hạn”: là ngày 30/10/2030
- “Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”: là ngày làm việc theo thông báo của VSDC để thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSDC ban hành.
- “Ngày Làm Việc” là bất kỳ ngày nào mà hệ thống thanh toán của Ngân hàng Nhà nước, và hệ thống thanh toán của VSDC, và hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam hoạt động trừ các ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc đóng cửa theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- “Ngày Thanh Toán Lãi”: là ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ hạn trái phiếu.

- “Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại”: là ngày tròn 1 năm kể từ ngày phát hành. Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.
- “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc trước Ngày Phát Hành 01 (một) Ngày Làm Việc đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên. Đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Ngày Xác Định Lãi Suất là Ngày Làm Việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày Phát Hành 07 (bảy) Ngày Làm Việc.
- “Ngày Đến Hạn Gốc” có nghĩa là (i) Ngày Đáo Hạn hoặc (ii) ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc (iii) vào ngày mua lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- “Ngân Hàng Tham Chiếu” là bốn (04) ngân hàng tại Việt Nam bao gồm:
 - (i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
 - (ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
 - (iii) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)
 - (iv) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)
- “Người Sở Hữu Trái Phiếu” hoặc “Nhà Đầu Tư”: là người mua, hoặc nhận chuyển nhượng quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).
- “Quyền Mua Lại Trái Phiếu” hoặc “Quyền Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu” là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại toàn bộ, nhưng không được mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu. Trong trường hợp, Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do mình sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- “Thành Viên Lưu Ký”: là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSDC chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.
- “Trái Phiếu”: là trái phiếu bằng Đồng Việt Nam đã được phát hành ngày 30/10/2024, có kỳ hạn 6 năm với tổng mệnh giá niêm yết là 2.259.450.800.000 (bằng chữ: Hai nghìn, hai trăm năm mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, tám trăm nghìn đồng) do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành ra công chúng Đợt 2 năm 2024
- “Văn Kiện Trái Phiếu”: là bất cứ tài liệu nào, bao gồm: Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan đến việc phát hành.

Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật chứng

khoản, Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

MBB/MB/Ngân hàng/Tổ Chức Phát Hành/Tổ Chức Niêm Yết	: Ngân hàng TMCP Quân đội
BCTC	: Báo cáo tài chính
BDH	: Ban Điều hành
BKS	: Ban Kiểm soát
CBTT	: Công bố thông tin
CN	: Chi nhánh
CNTT	: Công nghệ thông tin
CTTV	: Công ty thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ	: Điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
KHCN	: Khách hàng cá nhân
KHDN	: Khách hàng doanh nghiệp
KHĐCTC	: Khách hàng định chế tài chính
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
MBCapital	: Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB
MBS	: Công ty cổ phần Chứng khoán MB
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
PGD	: Phòng giao dịch
QTCT	: Quản trị công ty

QTRR	:	Quản trị rủi ro
SGDCK	:	Sở giao dịch chứng khoán
TCPH	:	Tổ Chức Phát Hành, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VĐL	:	Vốn điều lệ
VSDC	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Tên đầy đủ bằng Tiếng Anh	:	Military Commercial Joint Stock Bank
Tên gọi tắt bằng Tiếng Việt	:	Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên viết tắt	:	MB
Tên giao dịch	:	Ngân hàng Quân Đội
Trụ sở	:	Số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024 62661088
Fax	:	024 62661080
Website	:	www.mbbank.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024
Giấy phép hoạt động	:	Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày

16 tháng 10 năm 2018

- Vốn điều lệ : 53.063.240.520.000 đồng (Năm mươi ba nghìn, không trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng). (Theo Quyết định số 2571/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội ngày 25/11/2024)
- Người đại diện theo pháp luật : Lưu Trung Thái – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu : MBB
- Sàn niêm yết : Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX)
- Ngành nghề kinh doanh : I - Hoạt động trung gian tiền tệ khác
- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
 - 2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước.
 - 3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
 - 4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
 - 5) Mở tài khoản:
 - Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
 - 6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - 7) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ

chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

8) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

9) Dịch vụ môi giới tiền tệ

10) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung), Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

11) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

12) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

15) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.

16) Lưu ký chứng khoán.

17) Ví điện tử.

18) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

19) Mua nợ.

20) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

II - Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội).

Chi tiết:

1) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

2) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

3) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến

hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4) Kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.

5) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

6) Giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

7) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

III - Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Chi tiết: Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

IV - Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

Chi tiết: Đại lý bảo hiểm và các dịch vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

V - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: Kinh doanh, mua bán vàng miếng

VI - (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội được thành lập vào ngày 4 tháng 11 năm 1994 với số vốn ban đầu thành lập là 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội.

• Giai đoạn năm 1994-2004:

- ✓ Định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh doanh và xác định thương hiệu.
- ✓ Chú trọng và mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có lãi.
- ✓ Năm 2000, thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán MB) và Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC).
- ✓ Năm 2003, MB tiến hành cải tổ toàn diện về hệ thống và nhân lực.
- ✓ Năm 2004, MB là ngân hàng đầu tiên phát hành cổ phần thông qua bán đấu giá ra công chúng với tổng mệnh giá là 20 tỷ đồng.
- ✓ Năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng lên gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

- **Giai đoạn năm 2005-2009:**

- ✓ Áp dụng giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ.
- ✓ Đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay.
- ✓ Năm 2005, MB tiến hành ký kết thỏa thuận ba bên với Vietcombank và Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel về việc thanh toán cước viễn thông của Viettel và đạt thỏa thuận hợp tác với Citibank.
- ✓ Năm 2006, thành lập Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội HFM (nay là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB). Triển khai thành công dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin CoreT24 của Tập đoàn Temenos (Thụy Sĩ).
- ✓ Năm 2008, MB tái cơ cấu tổ chức. Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel chính thức trở thành cổ đông chiến lược.
- ✓ Năm 2009, MB ra mắt Trung tâm dịch vụ khách hàng 247.
- ✓ Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

- **Giai đoạn năm 2010-2016:**

- ✓ Năm 2010, MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 – 2016, với kỳ vọng đưa MB vào Top 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối.
- ✓ Năm 2010, Khai trương chi nhánh đầu tiên tại nước ngoài (Lào).
- ✓ Năm 2011, Thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX) từ ngày 01 tháng 11 năm 2011. Khai trương chi nhánh thứ hai tại nước ngoài (Campuchia). Nâng cấp thành công hệ thống CoreT24 từ R5 lên R10.
- ✓ Trong bối cảnh ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, biến mất trên thị trường do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu nằm trong Top 3 trước 2 năm – vào năm 2013.
- ✓ Năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất.
- ✓ Năm 2015, MB được Phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.
- ✓ Năm 2016, MB tiếp tục thành lập hai công ty thành viên mới trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ là Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Ageas Life) và tài chính tiêu dùng là Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit), kiện toàn mô hình tập đoàn tài chính đa năng. Những nền tảng vững chắc MB đã xây dựng trong những năm qua sẽ tạo đà phát triển vững chắc cho MB trong giai đoạn mới.

- **Giai đoạn năm 2017-2021**

- ✓ MB định hướng tầm nhìn “Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất” với mục tiêu đến năm 2021

sẽ nằm trong Top 5 hệ thống Ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh và an toàn, dẫn đầu về số hóa.

- ✓ Năm 2018, với phương châm "Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững", MB đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh đề ra từ đầu năm. Trong đó, đáng chú ý là lợi nhuận trước thuế đạt 7.767 tỷ đồng, tăng 68% so với năm 2017.
- ✓ MB cũng hoàn thành xuất sắc các mục tiêu lớn đặt ra gồm: triển khai chiến lược 2017 - 2021; chuyển dịch ngân hàng số với 2,6 triệu tài khoản người dùng đang hoạt động với sản phẩm chủ lực nhiều tiện ích là ứng dụng App MBBank; thay đổi nhận diện hình ảnh cho 100% điểm giao dịch, triển khai quyết liệt các dự án nhằm tăng trưởng đột phá.
- ✓ Năm 2019, MB ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới, thành công thay đổi nhận diện thương hiệu mới thành một ngân hàng năng động, trẻ trung – Lọt vào Top 2 thương hiệu được yêu thích nhất, tăng 127 bậc so với năm 2020, lọt vào Top 300 thương hiệu ngân hàng có giá trị và mạnh nhất thế giới (theo báo cáo Banking 500 2022 của Brand Finance). MB tự hào tiếp tục nằm trong top doanh nghiệp đạt lợi nhuận trên 10.000 tỷ đồng, Top 5 các Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.
- ✓ MB đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra mặc dù gặp nhiều khó khăn bởi đại dịch Covid- 19 toàn cầu.

• Giai đoạn năm 2022-2024

- ✓ MB tập trung việc hoàn thiện hệ sinh thái tài chính cộng với chiến lược kinh doanh số và MB tiếp tục phát triển trên con đường chuyển đổi số mạnh mẽ hơn với phương châm “Tăng tốc số – Hấp dẫn khách hàng – Hiệp lực tập đoàn – An toàn bền vững”.
- ✓ MB là một trong số ít các ngân hàng có hệ sinh thái tài chính đầy đủ nhất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ, khai thác tài sản, bảo hiểm và tài chính tiêu dùng.
- ✓ Trong năm 2022, MB nằm trong 5 ngân hàng có lợi nhuận lớn nhất hệ thống, một trong những ngân hàng dẫn đầu về tỷ suất sinh lời trên vốn và top đầu về các chỉ số an toàn, chất lượng tín dụng.
- ✓ Đã đạt được những thành công nhất định trong chiến lược chuyển đổi số, App MBBank nằm trong Top 10 ứng dụng được yêu thích trên App Store 2022, App thiện nguyện đạt Giải A Sáng kiến vì cộng đồng.
- ✓ Năm 2023, MB đạt TOP 2 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam, vinh dự đón nhận nhiều danh hiệu, giải thưởng lớn như Doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á, Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu, Top 3 Doanh nghiệp có vốn hóa lớn được nhà đầu tư yêu thích nhất, Top 50 công ty niên yết tốt nhất, Top 3 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành Ngân hàng 2023, App Thiện nguyện được vinh danh dự án vì cộng đồng.
- ✓ Năm 2023, MB đã thành lập ngân hàng 100% vốn tại Campuchia trên cơ sở chuyển đổi chi nhánh MB tại Campuchia
- ✓ Năm 2024, MB tiếp nhận chuyển giao Ngân hàng TNHH một thành viên Việt Nam Hiện đại (MBV) trở thành công ty con của MB

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2009:

- Ngân hàng TMCP Quân đội đã tăng vốn từ mức 20 tỷ đồng lên mức 5.300 tỷ đồng.

Cụ thể như sau:

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần) (mệnh giá 10.000 VND)
Năm 1994		20.000	20.000	2.000.000
Năm 1995	20.000	30.158	50.158	3.015.800
Năm 1996	50.158	18.140	68.298	1.814.000
Năm 1997	68.298	31.702	100.000	3.170.200
Năm 1998	100.000	25.592	125.592	2.559.200
Năm 1999	125.592	20.048	145.640	2.004.800
Năm 2000	145.640	25.279	170.919	2.527.900
Năm 2001	170.919	38.132	209.051	3.813.200
Năm 2002	209.051	20.000	229.051	2.000.000
Năm 2003	229.051	50.949	280.000	5.094.900
Năm 2004	280.000	70.000	350.000	7.000.000
Năm 2005	350.000	100.000	450.000	10.000.000
Năm 2006	450.000	595.200	1.045.200	59.520.000
Năm 2007	1.045.200	954.800	2.000.000	95.480.000
Năm 2008	2.000.000	1.400.000	3.400.000	140.000.000
Năm 2009	3.400.000	1.900.000	5.300.000	190.000.000

- Các đợt tăng vốn điều lệ kể từ ngày thành lập tới năm 2010 đều được Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. MB cam kết đã thực hiện tăng vốn đảm bảo các quy định của pháp luật liên quan.

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:

Ngân hàng TMCP Quân Đội đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ với chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MB

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Năm 2010	5.300.000	2.000.000	7.300.000	200.000.000	Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và CĐ chiến lược Đợt 2: Phát hành cổ phiếu thường	<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 706/GCN-UBCK ngày 11/10/2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 29 ngày 27/06/2011.
Năm 2012	7.300.000	2.700.000	10.000.000	270.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 300/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2011 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 31 ngày 29/03/2012. Giấy chứng nhận chào bán số 132/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 28/12/2011.
Năm 2013	10.000.000	625.000	10.625.000	62.500.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2012 Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 30/11/2012 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 33 ngày 31/01/2013
	10.625.000	631.250	11.256.250	63.125.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cán bộ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2012 Giấy chứng nhận chào bán số 48/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 01/10/2013 và Văn bản số 7126/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 26/09/2013 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 35 ngày 12/04/2013

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Năm 2014	11.256.250	337.688	11.593.938	33.768.750	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/MB-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 36 ngày 30/09/2014 - Công văn số 4790/UBCK-QLPH của UBCK ngày 26/08/2014 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB
Năm 2015	11.593.938	347.818	11.941.756	34.781.812	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2015 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 37 ngày 07/09/2015 - Công văn số 4694/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 28/07/2015 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành ESOP và chào bán riêng lẻ của MBB
	11.941.756	152.182	12.093.938	15.218.188	Phát hành cho cán bộ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2015 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 38 ngày 22/09/2015 - Công văn số 4694/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 28/07/2015 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành ESOP và chào bán riêng lẻ của MBB
Năm 2016	12.093.938	3.906.063	16.000.000	390.606.250	Phát hành riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2015 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 38 ngày 22/09/2015 - Công văn số 4694/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 28/07/2015 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành ESOP và chào bán riêng lẻ của MBB
	16.000.000	311.818	16.311.818	31.181.818	Sáp nhập Công ty tài chính Sông Đà	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 22/MB-ĐHĐCĐ ngày 06/10/2015 - Ngày 05/02/2016, Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 11/GCN-UBCK cho Ngân hàng Thương

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Năm 2017	16.311.818	815.591	17.127.409	81.559.091	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> mại Cổ phần Quân đội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 39 ngày 05/04/2016 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/MB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 40 ngày 10/11/2016 Công văn số 6723/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 06/10/2016 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB
	17.127.409	856.370	17.983.780	85.637.045	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 41 ngày 19/10/2017 Công văn số 6062/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 11/09/2017 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB Công văn số 6063/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 11/09/2017 v/v phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của MBB
Năm 2018	17.983.780	171.274	18.155.054	17.127.409	Phát hành cho cán bộ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/MB-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2018 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 42 ngày 31/07/2018 Công văn số 3577/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 06/06/2018 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH của MBB
	18.155.054	3.449.460	21.604.514	344.946.018	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Năm 2019	21.604.514	1.690.719	23.295.233	169.071.872	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26/MB-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 44 ngày 05/12/2019 - Công văn số 5154/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 26/08/2019 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB
	23.295.233	432.090	23.727.323	43.209.027	Phát hành cho cán bộ nhân viên	- Công văn số 5307/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 03/09/2019 v/v phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của MBB
Năm 2020	23.727.323	643.106	24.370.429	64.310.581	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26/MB-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 45 ngày 31/03/2020 - Công văn số 1089/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 21/02/2020 v/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ
	24.370.429	3.617.140	27.987.569	361.714.011	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/MB-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 47 ngày 18/11/2020 - Công văn số 5624/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 17/09/2020 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB
Năm 2021	27.987.569	9.795.649	37.783.218	979.564.905	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/MB-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 49 ngày 27/08/2021

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Năm 2022	37.783.218	7.556.644	45.339.861	755.664.356	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none">- Công văn số 3073/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 23/06/2021 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2022- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 50 ngày 20/09/2022- Công văn số 5030/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 02/08/2022 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB
Năm 2023	45.339.861	6.800.979	52.140.841	680.097.919	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 53 ngày 23/08/2023- Công văn số 4348/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 04/07/2023 v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB
Năm 2024	52.140.841	730.000	52.870.841	73.000.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024- Công văn số 1241/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 29/02/2024 v/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của MBB
	52.870.841	192.400	53.063.241	19.240.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (*)	<ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024- Công văn số 3303/UBCK-QLCB ngày 27/05/2024 về hồ sơ phát hành ESOP

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
						- Quyết định số 2571/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội ngày 25/11/2024

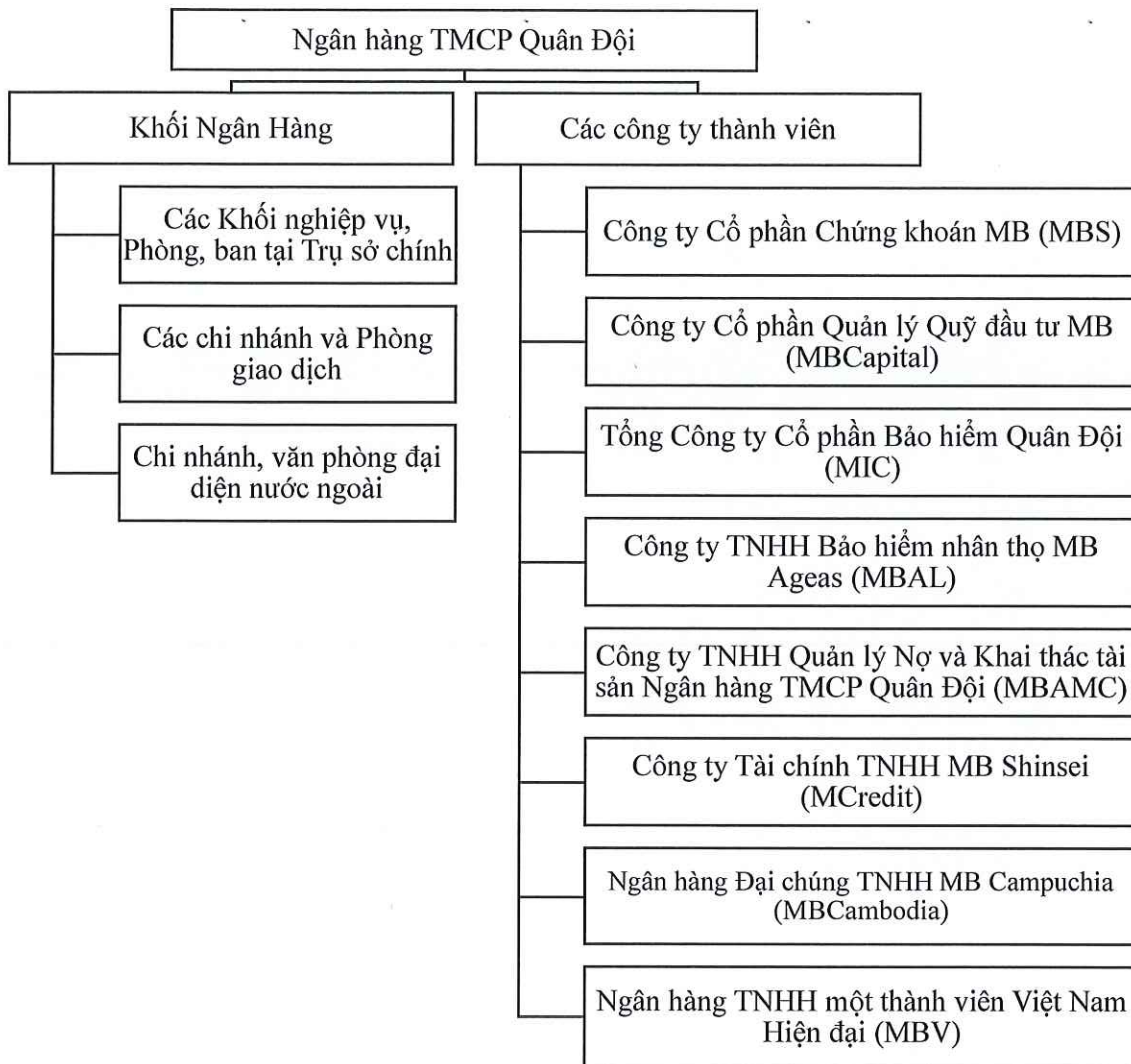
Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



2. Cơ cấu tổ chức công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tính đến thời điểm 31/10/2024, cơ cấu tổ chức của MB bao gồm:

❖ **Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:**

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- 110 Chi nhánh (trong đó có 1 chi nhánh tại Lào), 210 phòng giao dịch và 1 Văn phòng đại diện tại Nga.

❖ **Công ty thành viên**

MB có tám (8) công ty thành viên như sau:

STT	Tên Công ty thành viên	Tỷ lệ sở hữu của MB tại thời điểm 31/10/2024
1	Công ty Cổ phần chứng khoán MB (“MBS”)	79,94 %
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“MBCapital”)	90,77%
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIC)	68,37%
4	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL)	61,00%
5	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC)	100,00%
6	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit)	50,00%
7	Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia)	100,00%
8	Ngân hàng TNHH một thành viên Việt Nam Hiện đại (MBV)	100,00%

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của MB;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB;
- Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phụ hợp với cá điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, MB căn cứ quy định của pháp luật, chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho MB và cổ đông của MB;
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán;
- Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận;
- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- Thông qua phương án góp vốn, mua vốn cổ phần vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của MB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
- Quyết định thành lập công ty con MB;

- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB;
- Quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MB. Hội đồng quản trị có từ năm (5) thành viên đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không phải là người điều hành của MB và thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập và tối thiểu 02 thành viên chuyên trách.

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, Quy định nội bộ của MB, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ MB và quy định pháp luật. Ban Kiểm soát có tối thiểu 05 thành viên, số lượng thành viên quy định tại Điều lệ MB. Ban kiểm soát gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Phó Trưởng Ban kiểm soát (theo yêu cầu hoạt động của Ban kiểm soát từng thời kỳ) và các thành viên Ban kiểm soát. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.

3.4. Cơ quan Kiểm toán nội bộ

Cơ quan Kiểm toán nội bộ là cơ quan thuộc Ban kiểm soát. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan tham mưu tư vấn các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT (phạm vi MB nói chung và các công ty thành viên nói riêng); tham mưu xây dựng, điều phối lịch và các nội dung công tác của HĐQT, thực hiện đối ngoại, hậu cần cho các chương trình của HĐQT/BKS; tổng hợp và thư ký công ty, giúp việc hàng ngày HĐQT, quản lý thông tin đi và đến của HĐQT/BKS; quản lý danh sách và cơ cấu cổ đông, chi trả cổ tức, trả lời các khiếu nại, thắc mắc của cổ đông, phát triển quan hệ với nhà đầu tư, thực hiện công bố thông tin.

3.6. Khối Đầu tư

Khối đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động công ty thành viên; triển khai hoạt

động đầu tư chiến lược, đầu tư kinh doanh, các giao dịch M&A và dự án trọng điểm của MB; quản lý hoạt động đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu của MB (bao gồm đầu tư tài sản, đầu tư góp vốn chiến lược, đầu tư góp vốn khác, sử dụng vốn chủ sở hữu vào hoạt động kinh doanh thường xuyên); quản lý hoạt động đầu tư tập đoàn, giám sát triển khai công tác của các cơ quan quản lý MB.

3.7. Ban điều hành

Ban điều hành là cơ quan điều hành các hoạt động hàng ngày của MB, tổ chức triển khai các chiến lược kinh doanh, chiến lược hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

3.8. Các Hội đồng thuộc cấp Ban điều hành

❖ Hội đồng Alco

Hội đồng Alco có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc ra quyết định liên quan quản lý Tài sản nợ - Tài sản có của Ngân hàng gồm các phân mảng: quản lý hiệu quả bảng cân đối kế toán, thiết lập cơ chế điều chuyển vốn nội bộ và khung điều hành FTP theo từng thời kỳ, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội đồng Alco và các chức năng khác có liên quan đến quản lý tài sản Nợ - Có.

❖ Hội đồng quản lý rủi ro

Hội đồng quản lý rủi ro là cơ quan tham mưu cho Tổng Giám đốc các nội dung về:

- (i) Thực thi, giám sát hệ thống quản lý rủi ro;
- (ii) Ban hành chính sách, quy định, xây dựng các công cụ đo lường, giám sát rủi ro;
- (iii) Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/TGD về quản lý rủi ro của ngân hàng.

❖ Hội đồng quản lý vốn

Hội đồng quản lý vốn có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc liên quan đến các hoạt động quản lý vốn bao gồm mức độ đầy đủ của vốn, đề xuất chiến lược/kế hoạch vốn hàng năm, tổ chức thực hiện các giải pháp an toàn vốn.

3.9. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị

❖ Ủy ban quản trị cấp cao

Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, chủ tịch HĐQT các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT; giúp HĐQT giải quyết kịp thời các công việc và giám sát của quản lý cấp cao

❖ Ủy ban nhân sự

Có chức năng tham mưu, tư vấn HĐQT, chủ tịch HĐQT các vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân sự, đãi ngộ của MB và các công ty thành viên; trợ giúp HĐQT thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về các vấn đề tổ chức nhân sự, đãi ngộ

❖ Ủy ban quản lý rủi ro

Có chức năng tham mưu cho HĐQT các vấn đề về hệ thống QLRR và tuân thủ của Tập đoàn, MB, công ty thành viên, giúp việc HĐQT thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống QLRR, tuân thủ và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn

❖ **Ủy ban công nghệ và chuyển đổi số**

Có chức năng tham mưu, tư vấn và trợ giúp cho HĐQT, chủ tịch HĐQT trong lĩnh vực/hoạt động công nghệ, dữ liệu, chuyển đổi số của MB, công ty thành viên, tập đoàn

❖ **Hội đồng xử lý Rủi ro**

Hội đồng xử lý rủi ro là cơ quan chịu trách nhiệm phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt; quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống; quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm

3.10. Các cơ quan quản lý hệ thống

❖ **Văn phòng CEO**

Văn phòng CEO là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc, Ban điều hành thực thi có hiệu quả công tác quản lý. Xây dựng chiến lược marketing, truyền thông và thương hiệu cho MB, thực hiện các hoạt động đối ngoại, công tác thi đua khen thưởng, sáng kiến tại MB; xây dựng và triển khai công tác Đảng, công tác chính trị toàn hệ thống MB. Hoạch định chiến lược, tổ chức và theo dõi các chương trình chuyển đổi chiến lược của Ngân hàng, phối hợp quản lý chiến lược tập đoàn.

❖ **Khối Quản trị rủi ro**

Khối Quản trị rủi ro có trách nhiệm quản lý toàn diện và hiệu quả các loại rủi ro trong toàn MB gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên ngân hàng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro công nghệ, rủi ro gian lận, rủi ro uy tín, rủi ro quốc gia, phòng chống rửa tiền... theo nguyên tắc tuân thủ quy định của Việt Nam, định hướng của Hội đồng quản trị MB, tiệm cận thông lệ quốc tế. Xây dựng, quản lý và giám sát thực hiện chiến lược quản trị rủi ro (khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, công cụ quản trị rủi ro, quy trình, hướng dẫn quản trị rủi ro...) phù hợp với chiến lược kinh doanh của MB. Tổ chức, quản lý và thu hồi hiệu quả nợ xấu toàn hệ thống MB.

❖ **Khối Tài chính Kế toán**

Khối Tài chính Kế toán thực hiện xây dựng, tổ chức, triển khai hoạt động tài chính kế toán, báo cáo tài chính, chế độ kế toán, công tác thuế trong toàn hệ thống MB, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật. Quản trị tài chính kế toán của tập đoàn (gồm MB và các công ty thành viên).

❖ **Khối Tổ chức Nhân sự**

Khối Tổ chức Nhân sự có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: (i) xây dựng chính sách và quản lý nhân sự tập đoàn, (ii) xây dựng mô hình tổ chức, triển khai và giám sát công tác nhân

sự toàn MB, (iii) triển khai kế hoạch học tập tại MB.

❖ **Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng**

Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng thực hiện phát triển mạng lưới, quản lý hoạt động của hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch MB. Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng cũng có nhiệm vụ quản lý toàn diện chất lượng dịch vụ của MB thông qua thiết lập, vận hành các công cụ đo lường chất lượng dịch vụ bao gồm đánh giá từ nội bộ và bên ngoài.

❖ **Ban Kế hoạch và Marketing**

Nhiệm vụ chính của Ban Kế hoạch và Marketing là:

- (i) Tổ chức xây dựng, đo lường đánh giá, giám sát và quản lý kế hoạch ngân hàng MB và của các công ty thành viên;
- (ii) Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược marketing cho Tổng Giám đốc/Ban điều hành MB;
- (iii) Tổ chức triển khai các chương trình marketing tập trung cho toàn hệ thống. Quản lý trải nghiệm khách hàng (UX- user experience) và hành trình trải nghiệm khách hàng;
- (iv) Triển khai chiến lược thương hiệu cho MB và theo dõi và kiểm soát hình ảnh thương hiệu của MB;
- (v) Tổ chức, giám sát, cải tiến, vận hành & khai thác phần mềm CRM;
- (vi) Triển khai và quản lý chương trình khách hàng thân thiết cho toàn ngân hàng và các công ty thành viên.

❖ **Khối Pháp Chế và Tuân thủ**

Khối Pháp chế và Tuân thủ thực hiện các vấn đề pháp lý và tuân thủ trong hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh; quản lý công tác pháp chế và tuân thủ Tập đoàn, công tác pháp chế MB tại nước ngoài; Quản lý hệ thống văn bản nội bộ; Tổ chức công tác tuân thủ: Xây dựng, triển khai giám sát và kiểm tra tuân thủ, quản lý và định hướng hoạt động tự kiểm tra, giám sát của các đơn vị vòng 1 và/hoặc vòng 1,5 trong MB; Triển khai công tác điều tra; quản lý công tác giải quyết khiếu nại tố cáo; giải quyết tranh chấp.

❖ **Khối Hành chính**

Khối Hành chính có nhiệm vụ là: (i) Tổ chức thực hiện, giám sát và kiểm tra công tác hành chính quản trị toàn MB (văn thư - lưu trữ - bảo mật, hậu cần- lễ tân, công tác an ninh – an toàn, chăm sóc sức khỏe cán bộ nhân viên), (ii) Quản lý các dự án sửa chữa, xây mới các trụ sở chi nhánh và các công trình phụ trợ của MB, (iii) Tổ chức thực hiện, quản lý và hướng dẫn hoạt động mua sắm vật tư, trang thiết bị của ngân hàng.

❖ **Khối Dữ liệu**

Khối Dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: (i) thiết lập, triển khai, giám sát thực thi chiến lược dữ liệu cho toàn hàng, (ii) triển khai hoạt động khai phá dữ liệu, phân tích chuyên sâu tạo giá trị kinh doanh từ dữ liệu, (iii) quản lý và vận hành các hoạt động quản trị dữ liệu, (iv) xây dựng và cung cấp báo cáo, dịch vụ dữ liệu toàn hàng, (v) xây dựng, quản lý kiến trúc

dữ liệu toàn hàng, (vi) triển khai các hoạt động quản trị dữ liệu chung Tập đoàn.

3.11. Các cơ quan hỗ trợ kinh doanh

❖ Khối Công nghệ thông tin

Khối Công nghệ thông tin thực hiện các nhiệm vụ chính bao gồm: xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân đội; quản lý và vận hành toàn bộ hạ tầng CNTT của MB đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh. Quản lý trực tiếp CNTT của MB và các CTTV.

❖ Khối Vận hành

Khối Vận hành thực hiện: xây dựng chiến lược, chính sách, quy định, tiêu chuẩn và kế hoạch hoạt động vận hành trên toàn hệ thống; tổ chức triển khai và quản lý toàn bộ hoạt động nghiệp vụ hỗ trợ và vận hành tại MB.

❖ Khối Thẩm định

Khối Thẩm định có chức năng thực hiện nhiệm vụ chính sau: tổ chức, triển khai và quản lý hoạt động thẩm định, quản lý công tác định giá tài sản bảo đảm trong toàn MB đảm bảo hiệu quả, chuyên nghiệp và kiểm soát tốt rủi ro.

❖ Trung tâm phê duyệt tín dụng

Trung tâm phê duyệt tín dụng là cơ quan tổ chức, triển khai và quản lý hoạt động phê duyệt tín dụng đảm bảo đảm bảo chất lượng, tiến độ phê duyệt và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

3.12. Các Khối kinh doanh

❖ Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ thực hiện các nhiệm vụ chính sau: Kinh doanh vốn, ngoại tệ và các dịch vụ sản phẩm phái sinh trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường hàng hóa. Điều hành, quản lý tập trung nguồn vốn, thực thi các giải pháp quản lý tài sản nợ - có theo quyết nghị Alco, quản lý trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống nhằm tập trung quản trị rủi ro lãi suất, tỷ giá, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và gia tăng lợi nhuận cho MB. Thiết lập, phát triển quan hệ giao dịch và cung cấp sản phẩm dịch vụ của MB với các tổ chức tín dụng, tài chính trong và ngoài nước.

❖ Khối Khách hàng lớn

Khối Khách hàng lớn cung cấp trọn gói các giải pháp tài chính cho nhóm doanh nghiệp vừa và lớn đảm bảo phương châm tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, tạo sự khác biệt, bền vững và kiểm soát tối đa rủi ro.

❖ Khối Khách hàng vừa và nhỏ

Khối Khách hàng vừa và nhỏ cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính ngân hàng chuyên biệt cho tới từng khách hàng vừa và nhỏ rộng khắp trên địa bàn cả nước.

❖ Khối Khách hàng cá nhân

Khối Khách hàng cá nhân có nhiệm vụ chính như sau: Phục vụ các nhu cầu vay vốn, gửi tiết

kiệm và phát triển, cung cấp trọn gói dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân bao gồm: Thanh toán, Dịch vụ thẻ, Kiều hối, Bancas, Private banking, mobile và internet banking,...

❖ **Ban Khách hàng chiến lược**

Ban Khách hàng chiến lược thực hiện tổ chức, triển khai hoạt động kinh doanh, thanh toán quốc tế phục vụ khách hàng khu vực công.

❖ **Khối Ngân hàng số**

Khối Ngân hàng số chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, triển khai phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số và tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh ngân hàng số toàn hệ thống MB.

3.13. Chi nhánh và các phòng giao dịch

Chi nhánh và các phòng giao dịch là đơn vị trực tiếp cung cấp trọn gói các giải pháp và sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, theo từng địa bàn trên cơ sở chính sách và chiến lược của MB.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của MB tại ngày 30/09/2024

Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của MB

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành	Sở hữu của cổ đông lớn		Sở hữu của người có liên quan		Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
								Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1989	0300514849	722 Điện Biên Phủ, Q. Bình Thạnh, HCM	6.931	Ông Ngô Minh Thuận - Tổng giám đốc	Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thành viên HĐQT MB (đại diện vốn góp của TCT Tân Cảng SG tại MB)	375.973.254	7,085%	804.555	0,015%	Không
2	Tổng Công ty trực thăng Việt	1996										Không

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành	Sở hữu của cổ đông lớn		Sở hữu của người có liên quan		Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
								Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	
	Nam - Công ty TNHH và Chi nhánh											
2.1	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH		0100107966	Số 172 đường Trường Chinh, P.Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	3.980	Ông Kiều Đăng Hùng-Tổng giám đốc	Ông Vũ Xuân Nam - Thành viên HĐQT MB (đại diện vốn góp của TCT Trục thăng VN tại MB)	427.159.650	8,05%	3.389.661	0,064%	Không
2.2	Chi nhánh Tổng công ty		0100107966-	36 Đường 30/4, P9,				20.188.769	0,38%			Không



TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành	Sở hữu của cổ đông lớn		Sở hữu của người có liên quan		Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành	
								Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL		
	Trực thăng Việt Nam- Công ty trách nhiệm hữu hạn - Công ty Trực thăng Miền Nam		006	TP Vũng Tàu									
3	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Công ty TNHH (SCIC)	2006	010199 2921	Số 117 Trần Duy Hưng, P Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	19.000	Ông Nguyễn Quốc Huy- Tổng giám đốc	Bà Vũ Thái Huyền- Thành viên HĐQT MB (đại diện vốn góp của SCIC tại MB)		521.425.325	9,826%	988.786	0,019%	Không

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành	Sở hữu của cổ đông lớn		Sở hữu của người có liên quan		Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
								Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	
4	Tập đoàn Công nghiệp-Viện thông Quân đội	1989	0100109106	Lô D26 khu đôi thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	159.000	Ông Tào Đức Thắng-Tổng giám đốc	Bà Nguyễn Thị Hải Lý - Thành viên HĐQT MB (đại diện 60%vốn góp của Viettel tại MB; Ông Phạm Doãn Cường-TV HĐQT MB đại	780.137.989	14,702%	228.576.293	4,308%	Không

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành	Số hữu của cổ đông lớn		Số hữu của người có liên quan		Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
								Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	
							diện 40% vốn góp của Viettel tại MB)	2.124.884.987	40,04%	233.759.295	4,41%	
	Tổng cộng											

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/09/2024 của MB do VSDC cung cấp vào ngày 02/10/2024

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

MB không có cổ đông sáng lập còn hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/09/2024

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	123.126	4.073.441.957	76,766
1	Cổ đông tổ chức	329	3.003.461.491	56,602
2	Cổ đông cá nhân	122.797	1.069.980.466	20,164
II	Cổ đông nước ngoài	786	1.232.882.095	23,234
1	Cổ đông tổ chức	234	1.229.433.838	23,169
2	Cổ đông cá nhân	552	3.448.257	0,065
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,000
	Tổng cộng	123.912	5.306.324.052	100

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/09/2024 của MB do VSDC cung cấp ngày 02/10/2024

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Danh sách Công ty mẹ của MB, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với MB

Không có.

5.2. Danh sách Công ty con của MB, những công ty mà MB nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

STT	Danh sách công ty con	Vốn của MB tại các công ty con (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/10/2024
1	Công ty Cổ phần chứng khoán MB ("MBS")	3.489,54	79,73%	79,73%	79,94%
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("MBCapital")	323,30	90,77%	90,77%	90,77%
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIC)	1.180,56	68,37%	68,37%	68,37%

STT	Danh sách công ty con	Vốn của MB tại các công ty con (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/10/2024
4	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL)	915	61,00%	61,00%	61,00%
5	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC)	665,86	100,00%	100,00%	100,00%
6	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit)	800	50,00%	50,00%	50,00%
7	Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia)	76.552.197 USD	-	100,00%	100,00%
8	Ngân hàng TNHH một thành viên Việt Nam Hiện đại (MBV)	-	-	-	100,00%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

❖ Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 Tên tiếng anh : MB Securities Joint Stock Company
 Tên viết tắt : MBS
 Ngày thành lập : 09/12/2013
 Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9/12/2013 và Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 75/GPĐC-UBCK ngày 14/10/2024
 Vốn điều lệ tại ngày 30/09/2024 : 5.470,8 tỷ đồng
 Tỷ lệ sở hữu của MB tại Công ty này tại ngày 30/09/2024 : 79,94%
 Hoạt động kinh doanh chính : - Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
 Chi tiết: Môi giới chứng khoán và Môi giới chứng khoán phái

sinh.

- Hoạt động dịch vụ tài chính khác: tự doanh chứng khoán và tự doanh chứng khoán phái sinh.

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, lưu ký chứng khoán, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán, giao dịch chứng khoán trực tiếp, ứng trước tiền bán chứng khoán, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

❖ **Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)**

Tên đầy đủ : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
Tên tiếng anh : MB Capital Management Joint Stock Company
Tên viết tắt : MB Capital
Ngày thành lập : 15/11/2007
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 15/11/2007
Vốn điều lệ tại ngày 30/09/2024 : 356,17 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB : 90,77%
Công ty này tại ngày 30/09/2024
Hoạt động kinh doanh : Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chính

❖ **Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội**

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên tiếng anh : Military Bank Assets Management Company Limited
Tên viết tắt : MBAMC CO., LTD
Ngày thành lập : 11/09/2002
Giấy phép hoạt động : ĐKKD số 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/9/2002
Vốn điều lệ tại ngày 30/09/2024 : 665,86 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của MB : 100%
tại Công ty này tại ngày 30/09/2024
Hoạt động kinh doanh : Quản lý nợ và khai thác tài sản



chính

❖ **Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei**

Tên đầy đủ : Công ty tài chính TNHH MB Shinsei
Tên tiếng anh : MB Shinsei Finance Limited Liability Company
Tên viết tắt : MS FINANCE
Ngày thành lập : 10/03/2016
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 58/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 21/9/2017.
Vốn điều lệ tại ngày : 1.600 tỷ đồng
30/09/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB : 50%
tại Công ty này tại ngày
30/09/2024
Hoạt động kinh doanh : Tài chính tiêu dùng
chính

❖ **Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội**

Tên đầy đủ : Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
Tên tiếng anh : Military Insurance Corporation
Tên viết tắt : MIC
Ngày thành lập : 8/10/2007
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 43 GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp lần đầu ngày 8/10/2007
Vốn điều lệ tại ngày : 1.726,72 tỷ đồng
30/09/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 68,37%
Công ty này tại ngày
30/09/2024
Hoạt động kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.
chính

❖ **Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas**

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas
Tên tiếng anh : MB Ageas Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt : MB Ageas Life
Ngày thành lập : 21/07/2016
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 74/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày

21/07/2016

Vốn điều lệ tại ngày : 1.500 tỷ đồng
30/09/2024

Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 61%
Công ty này tại ngày
30/09/2024

Hoạt động kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư
chính tài chính

❖ **Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia**

Tên đầy đủ : Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia
Tên tiếng anh : MB Bank (Cambodia) Plc
Tên viết tắt : MB Cambodia
Ngày thành lập : 02/01/2023
Giấy phép hoạt động : Số MOC-00021616 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày
02/01/2023
Vốn điều lệ tại ngày : 76.552.197 USD
30/09/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 100%
Công ty này tại ngày
30/09/2024
Hoạt động kinh doanh : Ngân hàng thương mại

❖ **Ngân hàng TNHH một thành viên Việt Nam Hiện đại (MBV)**

Tên đầy đủ : Ngân hàng TNHH một thành viên Việt Nam Hiện đại
Tên tiếng anh : Modern Bank of Vietnam Limited.
Tên viết tắt : MBV
Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 100%
Công ty này tại ngày
31/10/2024
Hoạt động kinh doanh : Ngân hàng thương mại

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty

6.1.1. Sản phẩm và dịch vụ

MB cung cấp các hoạt động, sản phẩm dịch vụ như một loại hình của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động:

- Hoạt động trung gian tiền tệ khác

MB cung cấp hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: nhận tiền gửi; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; tham gia đấu thầu, mua bán tín phiếu Kho bạc; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ môi giới tiền tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, vay vốn của Ngân hàng Nhà nước; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; góp vốn, mua cổ phần; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; ví điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; mua nợ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

- Hoạt động dịch vụ tài chính

Hoạt động dịch vụ tài chính bao gồm các hoạt động chủ yếu: dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản; kinh doanh giấy tờ có giá; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Hoạt động bán buôn kim loại và quặng kim loại gồm các hoạt động chính là kinh doanh, mua bán vàng miếng.

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

Chi tiết theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 100/GP-Ngân hàng Nhà nước ngày 16/10/2018.

❖ Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, thu nhập thuần

Theo BCTC kiểm toán năm 2023, tổng doanh thu năm 2023 tăng 21,9% so với năm 2022. Nguyên nhân tổng doanh thu tăng là do thu nhập từ các hoạt động có tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu tăng. Các hoạt động có thu nhập chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu các năm gần đây là Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự, Thu nhập từ hoạt động dịch vụ, Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu các năm gần đây là Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự với tỷ trọng trong tổng doanh thu năm 2022 là 68,65%, tỷ trọng trong tổng doanh thu năm 2023 là 74,19%, tỷ trọng trong tổng doanh thu 9 tháng đầu năm 2024 là 69,21%. Tiếp đến là thu nhập từ hoạt động dịch vụ, với tỷ trọng trong tổng doanh thu năm 2022 là 18,63%, tỷ trọng trong tổng doanh thu năm 2023 là 14,1%, tỷ trọng trong tổng doanh thu 9 tháng đầu năm 2024 là 14,29%.

Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		9T đầu năm 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.486	68,65	69.143	74,19	50.610	69,21
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	14.244	18,63	13.138	14,10	10.453	14,29
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.611	6,03	6.159	6,61	5.682	7,77
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	287	0,38	606	0,65	2.263	3,10
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	1.667	2,18	635	0,68	989	1,35
Thu nhập từ hoạt động khác	3.026	3,96	3.458	3,71	3.103	4,24
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	132	0,17	57	0,06	30	0,04
Tổng	76.453	100	93.196	100	73.130	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý 3/2024 do MB lập

Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		9T đầu năm 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	45.237	77,87	61.923	79,43	44.849	73,62
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.543	6,10	4.981	6,39	4.182	6,87
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.604	7,93	6.151	7,89	5.678	9,32
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	13	0,02	475	0,61	1.500	2,46
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	1.621	2,79	575	0,74	875	1,44

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		9T đầu năm 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ hoạt động khác	2.768	4,77	3.434	4,41	2.894	4,75
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	304	0,52	416	0,53	940	1,54
Tổng	58.090	100	77.955	100	60.918	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, Tổng doanh thu năm 2023 tăng 21,9% so với năm 2022 và lợi nhuận thuần năm 2023 tăng 3,8% so với năm 2022. Nguyên nhân do chi phí lãi và các chi phí trưng tự và chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối năm 2023 tăng lần lượt 85% và 70,3% so với năm 2022.

Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		9T đầu năm 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi thuần	36.023	79,01	38.684	81,77	30.010	77,25
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.136	9,07	4.085	8,64	3.187	8,20
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.704	3,74	1.210	2,56	1.516	3,90
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	141	0,31	542	1,15	1.638	4,21
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	1.315	2,88	300	0,63	391	1,01
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.142	4,70	2.428	5,13	2.078	5,35
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	132	0,29	57	0,12	30	0,08
Tổng	45.593	100	47.306	100	38.850	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		9T đầu năm 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	28.995	80,71	31.951	81,77	24.912	75,06
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.640	4,57	2.561	6,55	2.275	6,86

Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.714	4,77	1.217	3,11	1.520	4,58
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	13	0,04	443	1,13	1.499	4,52
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	1.324	3,69	252	0,64	283	0,85
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.934	5,38	2.234	5,72	1.760	5,30
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	304	0,85	416	1,06	940	2,83
Tổng	35.923	100	39.073	100	33.189	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

6.1.2. Huy động vốn

Bằng những chiến lược huy động vốn được xác định theo từng giai đoạn, MB xây dựng các chính sách huy động vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của MB từng thời kỳ. Chiến lược của MB ưu tiên các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi kỳ hạn ngắn có tính ổn định cao. Điều này đem lại lợi ích cho MB về chi phí huy động vốn đầu vào so với các ngân hàng đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra, MB cũng huy động vốn ở các kỳ hạn trung hạn và dài hạn với cơ cấu phù hợp để đáp ứng nguồn vốn cho vay trung dài hạn và đảm bảo tuân thủ các hệ số, giới hạn an toàn theo quy định.

MB chú trọng tới việc huy động vốn từ dân cư, đây là một cấu phần giữ vai trò quyết định trong ổn định dòng vốn cho các hoạt động kinh doanh của MB. Với nhiều sản phẩm đa dạng và linh hoạt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người gửi tiền, huy động vốn khách hàng cá nhân của MB luôn có mức tăng trưởng ổn định qua từng thời kỳ. Bên cạnh đó, MB cũng đã tập trung và thành công với việc huy động từ phân khúc khách hàng cá nhân cao cấp, phục vụ tốt cho chiến lược chung. Với ưu thế của ngân hàng dẫn đầu về chuyển dịch số, MB đã ra mắt nhiều sản phẩm, tiện ích trên kênh số bao gồm tiền gửi và tiết kiệm số có thể khởi tạo ngay trên ứng dụng App MBBank (cho khách hàng cá nhân) và đang nhận được sự tin tưởng ngày càng cao từ đối tượng khách hàng này.

Bên cạnh nhóm khách hàng cá nhân, MB cũng thực hiện nhiều giải pháp để thu hút tiền gửi của các khách hàng tổ chức thông qua nền tảng số BizMB dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp, mạng lưới bán hàng quản lý và hỗ trợ quản lý từ trực tiếp của các khối kinh doanh CIB (khối khách hàng lớn), SME (khối khách hàng vừa và nhỏ) và các định chế tài chính khác.

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, tổng giá trị huy động vốn của MB tại thời điểm 31/12/2023 đạt 796.615 tỷ đồng, tăng 31,2% so với tổng giá trị huy động vốn của MB tại thời điểm cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân trong năm 2023, giá trị vốn huy động từ các kênh huy động lớn như Tiền gửi của khách hàng tăng 27,9%, phát hành giấy tờ có giá tăng 30,9%, Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác tăng 53,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo BCTC hợp nhất quý III năm 2024, tổng giá trị huy động vốn của MB tại 30/09/2024 đạt khoảng 874.077 tỷ đồng, tăng 9,72% so với năm 2023. Trong đó tiền gửi của khách hàng tại 30/09/2024 tăng tới 10,6% so với năm 2023, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước tăng từ xấp xỉ 9 tỷ đồng lên 5.047 tỷ đồng. Nguyên nhân các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước tăng mạnh là hoạt động thị trường mở của MB tại 30/09/2024.

Khả năng huy động vốn ổn định và đa dạng từ nhiều kênh đã giúp MB kiểm soát tốt rủi ro thanh khoản, đảm bảo hoạt động kinh doanh của MB.

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 31/12/2023		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	32	0,01	9	0,00	5.047	0,58
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	65.117	10,72	99.810	12,53	118.560	13,56
Tiền gửi của khách hàng	443.606	73,04	567.533	71,24	627.567	71,80
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	2.003	0,33	2.800	0,35	3.352	0,38
Phát hành giấy tờ có giá	96.578	15,90	126.463	15,88	119.551	13,68
Tổng	607.336	100	796.615	100	874.077	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của MB (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 31/12/2023		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	32	0,01	9	0,00	5.047	0,60
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	52.100	8,79	88.143	11,32	104.309	12,31
Tiền gửi của khách hàng	447.477	75,53	569.640	73,13	626.142	73,91
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	151	0,03	103	0,01	75	0,01
Phát hành giấy tờ có giá	92.657	15,64	121.062	15,54	111.586	13,17

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 31/12/2023		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng	592.417	100	778.957	100	847.159	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

6.1.3. Hoạt động tín dụng

❖ Tổng dư nợ cho vay

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 31/12/2023		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	217.741	47,28	314.081	51,40	365.512	52,07
Nợ trung hạn	72.561	15,75	75.334	12,33	83.103	11,84
Nợ dài hạn	166.513	36,15	212.415	34,76	243.539	34,69
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS	3.760	0,82	9.218	1,51	9.866	1,40
Tổng dư nợ cho vay	460.574	100	611.049	100	702.020	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 31/12/2023		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	214.049	49,19	308.193	53,33	356.681	53,68
Nợ trung hạn	54.629	12,55	58.423	10,11	67.269	10,12
Nợ dài hạn	166.513	38,26	211.247	36,56	240.502	36,20
Tổng dư nợ cho vay	435.191	100	577.863	100	664.452	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

MB tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và các giá trị kinh doanh cốt lõi. Chiến lược kinh doanh của MB đảm bảo chất lượng hoạt động

tín dụng được đặt lên hàng đầu và là cơ sở tạo nên nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

❖ **Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)**

Hoạt động cho vay của MB được phát triển trên nguyên tắc chọn lọc, an toàn, hiệu quả, lấy chất lượng tín dụng làm nền tảng quyết định tăng trưởng tín dụng. MB đã hoàn thành xây dựng các mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD) đáp ứng tiêu chuẩn Basel 2. MB luôn coi việc tăng trưởng và phát triển quy mô dư nợ tín dụng phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng tín dụng tốt nhất, danh mục tín dụng của MB luôn được kiểm soát chặt chẽ. Việc triển khai tái thiết kế quy trình tín dụng theo hướng tập trung và tổ chức bộ máy thẩm định, phê duyệt, vận hành tập trung tại Hội sở được phân quyền rõ ràng đảm bảo nguyên tắc độc lập khách quan với bộ phận kinh doanh, có tính chuyên môn hóa cao. Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại 30/09/2024 là 2,23%, tăng 0,63% so với cuối năm 2023.

Bảng 12: Phân loại chất lượng tín dụng MB

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 31/12/2023		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	443.975	96,40	578.108	94,61	663.211	94,47
Nợ cần chú ý	7.809	1,70	13.918	2,28	13.258	1,89
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.517	0,33	3.211	0,53	6.055	0,86
Nợ nghi ngờ	1.221	0,27	3.704	0,61	5.583	0,79
Nợ có khả năng mất vốn	2.293	0,50	2.890	0,47	4.047	0,58
Các khoản cho vay giao dịch kỹ quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS	3.760	0,82	9.218	1,51	9.866	1,41
Tổng dư nợ	460.575	100	611.049	100	702.020	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 13: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại MB

Khoản mục	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023	Tại 30/09/2024
Tổng dư nợ (tỷ đồng)	460.575	611.049	702.020
Tỷ lệ nợ xấu	1,09%	1,60%	2,23%
Tỷ lệ nợ quá hạn	2,79%	3,88%	4,12%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	11,53%	10,75%	11,40%

Nguồn: BC quản trị và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

❖ **Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của MB**

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Tại ngày 01/07/2024, NHNN ban hành thông tư 31/2024/TT-NHNN thay thế thông tư 11/2021/TT-NHNN. Từ thời điểm này, MB đã thực hiện phân loại các khoản nợ theo các mức độ

rủi ro như sau: nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN. Các khoản nợ được phân loại là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Nguyên tắc trích lập dự phòng rủi ro cụ thể được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Bảng 14: Tỷ lệ trích dự phòng theo quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP

Nhóm	Loại	Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nguồn: Nghị định 86/2024/NĐ-CP

MB đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01/2020”) do NHNN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Thông tư 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư 03/2021”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020, do NHNN ban hành ngày 02 tháng 04 năm 2021, Thông tư 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14/2021”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020 do NHNN ban hành ngày 07 tháng 09 năm 2021 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19, Thông tư 02/2023/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn (“Thông tư 02/2023”), Thông tư 06/2024/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn (“Thông tư 06/2024”) do NHNN ban hành.

Dự phòng chung tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ nhóm 1 đến 4 theo quy định phân loại nợ theo Thông tư 31/2024 tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của MB

Khoản mục	Tại 31/12/2022 (triệu đồng)	Tại 31/12/2023 (triệu đồng)	Tại 30/9/2024 (triệu đồng)
Dự phòng chung	3.400.915	4.551.746	5.239.293
Dự phòng cụ thể	8.574.945	6.917.817	5.547.364
Tổng quỹ dự phòng	11.975.860	11.469.563	10.786.657

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Trên nguyên tắc thận trọng cùng mục tiêu đảm bảo danh mục tín dụng lành mạnh, trong tầm kiểm soát, MB luôn thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của pháp luật.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

❖ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

MB phát triển hoạt động kinh doanh trên thị trường tiền tệ với các đối tác là các định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, trong nước và quốc tế. Hiện nay, MB đang đáp ứng đầy đủ các dịch vụ về giao dịch ngoại tệ cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Các nhu cầu giao dịch ngoại tệ của khách hàng là doanh nghiệp hay tổ chức tập trung vào một số mục đích cụ thể như thanh toán quốc tế, trả nợ vay, chuyển vốn đầu tư trong ngoài nước; trong khi giao dịch ngoại tệ của khách hàng cá nhân phục vụ giao dịch kiều hối, chuyển tiền du học, du lịch hay chữa bệnh. MB đã đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng tất cả các loại ngoại tệ mạnh như đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh, Yên Nhật, đô la HongKong, đô la Úc, đô la Canada, đô la Singapore, Franc Thụy Sĩ... thông qua đồng tiền đối ứng là đồng Việt Nam hoặc một loại ngoại tệ khác. MB tiếp tục cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu tại các chi nhánh Lào Cai, Móng Cái. Thông qua các chi nhánh này, các khách hàng trên toàn hệ thống của MB có giao thương với Trung Quốc đều được đáp ứng dịch vụ biên mậu.

Các sản phẩm phái sinh như hoán đổi tiền tệ (SWAP), quyền chọn ngoại tệ, giao dịch kỳ hạn và hoán đổi lãi suất đã được MB tư vấn cung cấp cho các khách hàng và sử dụng trong quản trị rủi ro cho chính danh mục của mình.

Các sản phẩm ngoại hối được giao dịch bao gồm: mua bán ngoại tệ giao ngay; giao dịch kỳ hạn; giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn giữa ngoại tệ và ngoại tệ. Tổng doanh số giao dịch tăng đều qua các năm. Cụ thể, theo báo cáo tài chính 9 tháng năm 2024, kết quả từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất 9 tháng đầu năm 2024 đạt 1.515,5 tỷ đồng.

Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	9T đầu năm 2024
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	3.014.578	3.105.170	2.908.744
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.596.064	3.053.354	2.773.629
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.610.642	6.158.524	5.682.373
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.703.960	1.209.825	1.515.528

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	9T đầu năm 2024
-----------	----------	----------	-----------------

Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	3.008.002	3.097.217	2.903.964
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.596.064	3.053.354	2.773.629
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.604.066	6.150.571	5.677.593
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.713.939	1.216.861	1.519.857

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

❖ Thanh toán trong nước

MB cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới các điểm giao dịch và hệ thống ATM, hệ thống ngân hàng điện tử và thỏa thuận thanh toán với các ngân hàng khác như Vietcombank, BIDV, Agribank... để tham gia mạng lưới thanh toán của họ. Các dịch vụ thanh toán mà ngân hàng cung cấp bao gồm:

- MB cung cấp dịch vụ chuyển tiền trong nước;
- Dịch vụ quản lý tài khoản giao dịch với việc nhận tiền gửi, quản lý, theo dõi số dư;
- Cung cấp các dịch vụ về tài khoản cho khách hàng;
- Dịch vụ trả lương qua tài khoản;
- Sản phẩm, dịch vụ liên kết ngân hàng - viễn thông (kênh liên kết Viettel, ngân hàng điện tử) như Bank plus, Bank plus CA, MB plus....

Để phục vụ khách hàng tốt nhất MB đã không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ. MB đã thành lập Trung tâm dịch vụ thanh toán tại Hội Sở để đảm bảo cung cấp dịch vụ trong hoạt động thanh toán nhanh nhất và có hiệu quả nhất cho khách hàng trên mọi miền của đất nước. MB chú trọng rà soát, ban hành các quy trình, quy chế về nghiệp vụ bảo đảm quy trình tinh gọn, thời gian xử lý nhanh chóng, luôn hướng đến khách hàng, đồng thời cân bằng được rủi ro trong hoạt động thanh toán.

Đặc biệt, với ứng dụng được đánh giá hàng đầu trong số các ứng dụng tài chính - ngân hàng hiện nay, ứng dụng App MBBank và Biz MBBank đã tích hợp nhiều sản phẩm, dịch vụ và các tính năng hỗ trợ khách hàng tối đa như thanh toán tiền điện, tiền nước, chuyển tiền miễn phí, chuyển tiền kiều hối, mua bán ngoại tệ online... đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

❖ Thanh toán quốc tế

Hệ thống mạng lưới hơn 800 ngân hàng đại lý trên khắp thế giới đã giúp cho hoạt động thanh toán quốc tế của MB được nhanh chóng, chính xác và được các đối tác đánh giá cao. Năm 2006, MB được Citigroup tặng giải thưởng Ngân hàng thực hiện xuất sắc nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Năm 2007, MB nhận giải thưởng “Ngân hàng thực hiện xuất sắc các giao dịch quốc tế” từ tập đoàn HSBC. Năm 2008 và năm 2009, MB được Ngân hàng Wachovia N.Y trao tặng giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ điện thanh toán thành công cao.

Các dịch vụ thanh toán quốc tế mà Ngân hàng đang cung cấp bao gồm:

- Thanh toán hàng đổi hàng;
- Chuyển tiền ra nước ngoài;
- Chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam;

- Nhờ thu chứng từ theo phương thức trả ngay (D/P) hoặc trả chậm (D/A) với vai trò là ngân hàng thu tiền, ngân hàng chuyển chứng từ;
- Thư tín dụng xuất khẩu với vai trò ngân hàng thông báo, ngân hàng chiết khấu hoặc ngân hàng xác nhận;
- Thư tín dụng nhập khẩu;
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu;
- Phát hành bảo lãnh quốc tế; và
- Bảo lãnh Quốc tế với vai trò Ngân hàng thông báo.

6.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý: Không có

6.1.6. Hoạt động đầu tư

❖ **Định hướng chiến lược hoạt động đầu tư**

Chiến lược đầu tư của MB là chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng, tăng năng lực tài chính, đầu tư kinh doanh trên thị trường vốn, đầu tư tăng năng lực các công ty thành viên, tăng cường hợp tác đầu tư với đối tác chiến lược, nhằm mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu, tăng hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu, phát triển cơ sở hạ tầng cho Tập đoàn (Ngân hàng TMCP Quân Đội và các công ty thành viên).

Các hoạt động đầu tư chủ yếu của MB gồm:

- Đầu tư kinh doanh trên thị trường vốn;
- Đầu tư tăng năng lực, phát triển hệ thống các Công ty thành viên; và
- Đầu tư phát triển nguồn lực, xây dựng trụ sở, nhà cửa vật kiến trúc, hệ thống hạ tầng và công nghệ cho Ngân hàng.

MB quản lý các hoạt động đầu tư tập trung tại Hội sở. Các hoạt động đầu tư kinh doanh do MB thực hiện được tiến hành phù hợp quy định của pháp luật, quy định của NHNN Việt Nam và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các công ty thành viên của MB thực hiện hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư, mua bán nợ và khai thác tài sản, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và tài chính tiêu dùng phù hợp với các quy định liên quan của từng ngành nghề.

MB nghiên cứu thực hiện các phương án M&A, tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực hoạt động quản trị, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên; cải tiến mô hình bán chéo theo hướng xây dựng các cơ chế và các nền tảng công nghệ thông tin để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động bán chéo giữa MB và các Công ty thành viên nhằm khai thác tối ưu nguồn lực Tập đoàn.

❖ **Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh**

Đầu tư và kinh doanh trên thị trường tài chính là một hoạt động lớn của MB, bao hàm cả việc đầu tư chứng khoán nợ, chứng khoán vốn tại MB và các hoạt động đầu tư hay tự doanh chứng khoán tại các Công ty thành viên.

Danh mục chứng khoán đầu tư là tài sản trọng yếu, trong đó chủ yếu là các chứng khoán nợ (gồm các giấy tờ có giá như trái phiếu chính phủ, trái phiếu kho bạc, trái phiếu các tổ chức tín dụng, trái phiếu các tổ chức kinh tế, ... và các loại công cụ nợ khác).

Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm hoạt động tự doanh, mua bán chứng khoán tại các đơn vị thành viên có chức năng kinh doanh chứng khoán, chủ yếu tại MBS và MBCapital. Chứng khoán kinh doanh luôn được duy trì với tỷ trọng nhỏ trên tổng vốn đầu tư toàn danh mục và được quản trị rủi ro chặt chẽ.

Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023	Tại 30/09/2024
Chứng khoán kinh doanh	4.107.470	44.251.400	14.324.151
o Chứng khoán nợ	4.070.884	44.095.180	13.885.880
o Chứng khoán vốn	36.586	156.220	438.271
Chứng khoán đầu tư	159.981.553	148.398.663	198.001.054
o Chứng khoán sẵn sàng để bán	154.506.192	143.010.711	192.578.792
o Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.475.361	5.387.952	5.422.262

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023	Tại 30/09/2024
Chứng khoán kinh doanh	1.220.511	43.200.913	12.534.696
o Chứng khoán nợ	1.220.511	43.200.913	12.534.696
o Chứng khoán vốn	0	0	0
Chứng khoán đầu tư	153.935.943	142.695.441	188.695.968
o Chứng khoán sẵn sàng để bán	152.053.008	140.904.606	186.942.933
o Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.882.935	1.790.835	1.753.035

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

MB tuân thủ đầy đủ các quy định về hạn mức và giới hạn lĩnh vực đầu tư theo quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật. Danh mục đầu tư được đánh giá thường xuyên và định kỳ, công tác quản trị rủi ro đầu tư và dự phòng tổn thất được quan tâm chú trọng.

❖ **Hoạt động đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, công nghệ của MB**

MB dành ngân sách phù hợp cho việc phát triển hệ thống trụ sở MB tại các tỉnh, thành phố, khu đô thị trọng điểm trong cả nước, phục vụ mục tiêu mở rộng và nâng cao khả năng phục vụ khách hàng.

Tính đến 31/12/2023, MB đã đầu tư hơn 5.000 tỷ VND vào các dự án phát triển hạ tầng trụ sở. Trong kế hoạch phát triển hạ tầng những năm tiếp theo, MB đã định hướng đầu tư trụ sở cho MB tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị kinh tế trọng điểm khác. Năm 2020, MB hoàn

thành đầu tư và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội với tiêu chuẩn tòa nhà văn phòng hạng A, có diện tích làm việc rộng rãi, kang trang, cơ sở vật chất làm việc và phục vụ khách hàng theo đúng tiêu chuẩn hiện đại, đa năng, hướng đến khách hàng.

Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng tiêu biểu

STT	Dự án	Diện tích/Quy mô	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch, tiến độ của dự án
1	Dự án đầu tư trụ sở MB 21 Cát Linh	Diện tích đất: 2.384 m ²	2012	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào khai thác từ năm 2012
2	Dự án cải tạo xây dựng trụ sở MB tại TP HCM – MB Sunny Tower	Diện tích đất 1.428,3 m ²	2015	Đã đưa vào khai thác từ năm 2015
3	Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Ninh & Văn phòng cho thuê tại đường Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh	Diện tích đất: 5.796 m ² Xây dựng 9 tầng và 1 tầng hầm	2014	Đã hoàn thành xây dựng công trình, tháng 6/2015 đưa vào hoạt động
4	Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Khánh Hòa tại Thành phố Nha Trang	Diện tích đất: 968 m ² Xây dựng 6 tầng nổi, 1 tầng hầm	2015	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng tháng 11/2015
5	Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Hải Phòng tại đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng	Diện tích đất: 1.650 m ² Xây dựng 10 tầng nổi, 1 sàn kỹ thuật và 1 tầng bán hầm	2015	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng tháng 05/2016
6	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Ngân hàng Quân đội tại 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội	Diện tích đất: 4.950 m ² Xây dựng 25 tầng nổi, 3 tầng hầm và một tầng hầm lửng.	2020	Công trình cất nóc ngày 22/03/2017 và đưa vào sử dụng từ 2020

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Tổng quan Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là một chuyên dịch quan trọng trong nhóm 4 chuyên dịch chiến lược của MB giai đoạn 2017-2021. MB đã hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II, tuân thủ theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ban hành ngày 18 tháng 05 của NHNN Việt Nam (có đánh giá độc lập của Công ty Kiểm toán Ernst & Young) và các thông tư sửa đổi bổ sung của NHNN từng thời kỳ. MB chú trọng xây dựng hệ thống

Kiểm soát nội bộ khoa học, quản trị rủi ro thông minh gắn với “mô hình, công cụ, dữ liệu” giúp tăng trưởng nhanh và kiểm soát rủi ro.

Quá trình triển khai nền tảng quản trị rủi ro được MB thực hiện thống nhất, triệt để, toàn diện, chủ động nghiên cứu, vừa làm vừa thử nghiệm, ứng dụng và tinh chỉnh nhanh vào thực tiễn kinh doanh. Basel II đã giúp MB hoàn thành được các mục tiêu tăng trưởng tín dụng trên 20% trong những năm vừa qua đồng thời đảm bảo các chỉ tiêu an toàn vốn theo quy định của NHNN, cụ thể tại 30/09/2024 tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ ~ 11,37%, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất ~ 11,40%. Tại 30/09/2024, tỷ lệ nợ xấu ở mức: 2,06% đối với riêng lẻ và 2,23% đối với hợp nhất. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đối với riêng lẻ: 62,93%, và 68,77% đối với hợp nhất.

Các chính sách quản trị rủi ro đang áp dụng

❖ Quản trị rủi ro tín dụng

Để quản trị rủi ro tín dụng một cách hiệu quả, các ngân hàng đều phải thiết lập khung quản trị rủi ro phù hợp đảm bảo nhận diện, đánh giá, đo lường, giám sát, quản lý danh mục rủi ro tín dụng đầy đủ, kịp thời. MB đã và đang thiết lập hệ thống khung quản trị rủi ro tín dụng đáp ứng được chiến lược kinh doanh tổng thể của MB, tiệm cận với thông lệ quốc tế, đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro - cân bằng giữa rủi ro và thu nhập, cụ thể:

- (1) Khung quản trị rủi ro tín dụng được tổ chức theo mô hình “ba vòng kiểm soát” cho phép tách bạch trách nhiệm giữa các chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ hỗ trợ tốt nhất cho công tác phát triển kinh doanh nhưng đồng thời đảm bảo các nguyên tắc quản trị rủi ro.
- (2) Hệ thống chính sách, quy định liên quan đến hoạt động tín dụng được thiết lập đầy đủ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và khẩu vị, định hướng kinh doanh của MB từng thời kỳ.
- (3) Các quy trình tín dụng được thiết kế chặt chẽ từ khâu bán hàng – thẩm định – phê duyệt – vận hành - quản lý và thu hồi nợ, mỗi bước của quy trình đều quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng đơn vị và mỗi hoạt động của một quy trình, công việc đều đảm bảo nguyên tắc “hai tay bốn mắt” – có ít nhất 1 người thực hiện và 1 người kiểm soát. Bộ máy thẩm định, phê duyệt, vận hành được tổ chức tập trung tại Hội sở và có cơ chế phân quyền rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc độc lập khách quan với bộ phận kinh doanh, có tính chuyên môn hóa cao.
- (4) Công cụ đo lường rủi ro tín dụng được chú trọng đầu tư xây dựng phù hợp với chuẩn mực quốc tế như: Hệ thống xếp hạng tín dụng (Scoring) của KHHCN/KHDN/KHĐCTC dựa trên dữ liệu thống kê, dữ liệu hành vi với độ tin cậy cao và ứng dụng mô hình trong hoạt động cấp tín dụng, quản lý, giám sát, và cảnh báo sớm rủi ro của khách hàng. Bên cạnh đó, mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo phương pháp nâng cao (IRB) cho phân khúc KHDN và KHHCN, bao gồm: mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), Ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD) và Ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD) được hoàn thiện từng bước chuẩn hóa đo lường tổn thất ước tính của khách hàng (EL – Expected Loss) chính xác, tính toán vốn dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ đối với rủi ro tín dụng, đồng thời giúp MB thiết lập được các chính sách giá đối với khách hàng dựa trên rủi ro hiệu quả.
- (5) MB nghiên cứu phát triển các hệ thống hỗ trợ trong công tác quản lý khách hàng, quản trị

rủi ro như: Hệ thống Core Banking T24 (R16); Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng – CRM; Hệ thống quản lý quy trình nghiệp vụ - BPM,

Với hệ thống khung quản trị rủi ro tín dụng nêu trên đã hỗ trợ hoạt động tín dụng của MB tăng trưởng ổn định - bền vững – an toàn – hiệu quả.

❖ **Quản trị rủi ro thanh khoản**

Với khung quản trị rủi ro thanh khoản chặt chẽ bao gồm 3 vòng phòng vệ, MB thực hiện quản trị rủi ro thanh khoản trong ngày, quản lý nguồn vốn huy động, quản lý dòng tiền tối thiểu và dự phòng thanh khoản sớm ít nhất 30 ngày, quản lý tài sản thanh khoản cao theo thời gian thực đồng thời đánh giá khả năng chuyển đổi sang tiền mặt, quản lý nguồn thanh khoản, quản lý rủi ro thanh khoản sản phẩm mới, thị trường mới; và quản lý rủi ro thanh khoản trong giai đoạn khủng hoảng.

Đo lường và kiểm soát rủi ro thanh khoản tại MB được thực hiện liên tục trong ngày đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các giới hạn thanh khoản của NHNN và nội bộ từng thời kỳ. Báo cáo cảnh báo sớm về rủi ro thanh khoản đánh giá hàng ngày để có các biện pháp xử lý thiếu hụt thanh khoản tạm thời và dài hạn kịp thời (nếu có).

MB triển khai đo lường và xây dựng lộ trình đáp ứng các chỉ tiêu thanh khoản như Tỷ lệ bao phủ thanh khoản (LCR) và Tỷ lệ tài trợ ròng (NSFR) theo tiêu chuẩn Basel III, khắt khe hơn quy định của NHNN; đồng thời tối ưu các mô hình trong quản lý rủi ro thanh khoản như mô hình dự báo dòng tiền vào/dòng tiền ra, mô hình xác định các tỷ lệ hành vi của khách hàng bao gồm tỷ lệ rút trước hạn, tỷ lệ tái tục tự động tiền gửi, tỷ lệ trả nợ trước hạn và quá hạn hàng ngày của khách hàng... giúp đánh giá mức độ tác động đến thay đổi dòng tiền so với kỳ hạn danh nghĩa, giúp ngân hàng xác định được chính xác hơn trạng thái thanh khoản thực, đưa ra các biện pháp cân đối vốn hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả quản trị.

❖ **Quản trị rủi ro hoạt động**

Mặc dù MB là một trong những ngân hàng hàng đầu trong việc áp dụng các chính sách và kỹ thuật QTRR trong hoạt động, việc có thể kiểm soát đầy đủ và bảo vệ MB khỏi mọi rủi ro vẫn là một vấn đề khó khăn. Để giảm thiểu các rủi ro này, MB đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống QTRR và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong QTRR, cụ thể:

- (1) Khung quản trị rủi ro toàn hàng được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro tập trung, rủi ro gian lận...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO. Chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, tuyên ngôn cụ thể để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của MB. Các nguyên tắc, cơ chế quản lý và thiết lập các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát định kỳ đảm bảo phù hợp với khẩu vị và tình hình hoạt động kinh doanh.
- (2) Vai trò giám sát cấp cao và mô hình ba vòng tuyến bảo vệ theo các nội dung quy định tại Thông tư 13 của NHNN và thông lệ của Ủy ban Basel, được MB ứng dụng toàn diện, hiệu quả trong hoạt động quản trị, kiểm soát nội bộ của ngân hàng. Trách nhiệm giữa HĐQT và Tổng Giám đốc đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá về mức độ đủ vốn và hoạt động kiểm toán nội bộ được chuẩn hóa, đảm bảo vai trò độc lập, một cá nhân/đơn vị không đồng thời tham gia vào chức năng “điều hành” và chức năng “quản trị”.

- (3) MB luôn đề cao và kiên định xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chia sẻ, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/quy trình nội bộ.

6.2.2. *Đánh giá tình hình thực hiện quản trị rủi ro tại MB*

Trong bối cảnh đại dịch Covid- 19 tác động đến mọi mặt của đời sống, kinh tế, xã hội; MB đã nhanh chóng tổ chức quản trị kinh doanh liên tục, quản trị rủi ro công nghệ của ngân hàng trong thời kì Covid- 19 nhằm bảo đảm tính liên tục trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ tới khách hàng, giảm thiểu sự ảnh hưởng của dịch bệnh gây gián đoạn hoạt động kinh doanh, giảm thiểu tổn thất tài chính, giữ vững thương hiệu và hình ảnh của Ngân hàng. MB đã có những bước phát triển về chuyển đổi số trong năm 2021, áp dụng các công nghệ mới, các phương pháp làm việc mới (Agile, Scrum, DevOps), cùng với đó là áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất để quản trị loại rủi ro tại mảng này: như tiêu chuẩn COBIT, ITIL, tiêu chuẩn ISO 27001, ... phục vụ kinh doanh và kiểm soát rủi ro. MB cũng triển khai hợp tác với đối tác chiến lược IBM để thực hiện dự án chuyển đổi toàn diện Công nghệ thông tin, nhằm nâng cao năng lực phục vụ, đảm bảo hoạt động ổn định, chính xác, an toàn hệ thống và hiệu quả về nguồn lực đầu tư. Song song với việc kiện toàn khung quản trị rủi ro tại ngân hàng, MB cũng đã cơ bản hoàn tất việc thiết lập nền tảng quản trị rủi ro tại các Công ty thành viên. Sự kết nối chặt chẽ giữa quản trị rủi ro của ngân hàng với quản trị rủi ro của các Công ty thành viên đảm bảo chiến lược, chính sách về rủi ro được triển khai xuyên suốt, phù hợp và thống nhất trong toàn tập đoàn, an toàn, hiệu quả.

6.3. *Thị trường hoạt động*

6.3.1. *Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng TMCP Quân Đội*

Tính đến ngày 30/09/2024, MB có 1 Hội sở chính, 110 chi nhánh bao gồm 1 chi nhánh tại Lào, 210 phòng giao dịch và 1 văn phòng đại diện tại Nga được cấp phép hoạt động. Hệ thống mạng lưới rộng khắp giúp MB có thể tiếp cận và cung cấp các dịch vụ tài chính của mình nhanh và thuận tiện cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

Theo định hướng chiến lược, mạng lưới của MB sẽ được phát triển theo hướng chọn lọc, kết hợp hài hòa giữa kênh số và kênh vật lý. Trong đó, kênh vật lý sẽ tập trung ở các khu vực kinh tế trọng điểm, các thành phố lớn và phục vụ khách hàng truyền thống, các kênh ngân hàng số: Internet banking, Mobile banking, ... tiếp tục được đẩy mạnh để tăng khả năng tiếp cận, cung cấp nhiều tiện ích giúp cho các khách hàng có thể giao dịch mọi lúc mọi nơi.

6.3.2. *Mạng lưới của Công ty thành viên*

- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS): gồm 1 Trụ sở chính tại Hà Nội, 02 chi nhánh tại Hà Nội, 01 chi nhánh tại Hải Phòng, 03 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MBCapital): Trụ sở chính tại Hà Nội; 01 văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC): Trụ sở chính tại Hà Nội, 04 chi nhánh tại: Hồ Chí Minh, Miền Trung và Tây Nguyên, Đông

Nam Bộ và Tây Nam Bộ;

- Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC): Trụ sở chính tại Hà Nội; 70 Công ty trực thuộc trên cả nước;
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas: một trụ sở chính tại Hà Nội và 7 văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nghệ An, Khánh Hòa, TP.HCM và Cần Thơ;
- Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei: Trụ sở chính tại Hà Nội
- Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia: Trụ sở chính tại Phnom Penh.
- Ngân hàng TNHH một thành viên Việt Nam Hiện đại (MBV)

6.3.3. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức

Các khách hàng quan trọng như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Nhóm dự án năng lượng điện của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, Ban Quản lý dự án điện Miền Bắc/Miền Trung, Tập đoàn Công nghiệp Than & Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội. Bên cạnh đó, MB còn là ngân hàng tiên phong trong cấp tín dụng cho các dự án điện gió và điện mặt trời cung cấp một nguồn tài chính mạnh mẽ giúp các Doanh nghiệp tạo ra nguồn điện năng lượng tái tạo, góp phần gia tăng nguồn năng lượng sạch đáp ứng nhu cầu tăng trưởng bền vững quốc gia.

Trong chiến lược kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, ngoài mảng khách hàng lớn (CIB), MB đã và đang triển khai tích cực chiến lược khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) nhằm khai thác thế mạnh, tiềm lực kinh tế to lớn cũng như đạt được mục tiêu phân tán rủi ro khi phát triển tín dụng của MB. MB đã cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho nhóm khách hàng này, tài trợ vốn lưu động cho các khách hàng với mạng lưới kinh doanh rộng khắp cả nước thuộc lĩnh vực viễn thông, phân phối, lương thực, thực phẩm, hàng gia dụng, hàng tiêu dùng thiết yếu.

Để có thể tài trợ tín dụng tốt nhất cho khách hàng, MB đã thiết lập một hệ thống các sản phẩm dịch vụ tiện ích, hỗ trợ tích cực. Cụ thể:

- Tài trợ dự án các ngành năng lượng, dầu khí, cảng biển, tài trợ dự án ngành nhựa, điều;
- Tài trợ vốn lưu động cho các KH theo chuỗi ngành thực phẩm đồ uống, điện, viễn thông, xăng dầu, hàng không, hóa chất;
- Tài trợ vốn cho nhóm khách hàng FDI trong lĩnh vực sản xuất, phân phối;
- Tập trung phát triển các sản phẩm cho phân khúc khách hàng nhỏ và siêu nhỏ: cho vay Vốn lưu động siêu tốc dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, cho vay vốn kinh doanh trả góp, cho vay ô tô mới và ô tô cũ, ô tô kinh doanh vận tải;
- Đẩy mạnh các sản phẩm góp phần thực hiện 02 năng lực cốt lõi của MB: Trở thành ngân hàng số 1 phục vụ Khách hàng quân đội (KHQĐ): Cho vay xây lắp KHQĐ, bảo lãnh KHQĐ; Liên kết với Viettel: Gói sản phẩm cho doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho VTG, Bankplus CA;
- Đa dạng hóa kênh cung cấp các sản phẩm Tài trợ thương mại thông qua việc mở rộng kênh. Cải tiến các sản phẩm tài trợ thương mại: Chiết khấu Bộ chứng từ xuất khẩu, LC tài trợ trước

giao hàng, hạn mức LC vốn tự có;

- Cho vay theo hạn mức thấu chi;
- Bao thanh toán trong nước.

Khách hàng là cá nhân

Để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu đa dạng của khách hàng cá nhân, MB đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện một hệ thống sản phẩm tín dụng, dịch vụ linh hoạt, thuận lợi và tiện ích phục vụ các khách hàng cá nhân:

- Cho vay mua, xây dựng và sửa chữa nhà đất;
- Cho vay mua nhà chung cư, đất dự án;
- Cho vay sản xuất kinh doanh;
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích tiêu dùng;
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích kinh doanh;
- Cho vay tín chấp cho mọi đối tượng khách hàng cá nhân;
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá: bổ sung hình thức cho vay cầm cố sổ dư tài khoản TKS trên eMB;
- Cho vay du học, xuất khẩu lao động;
- Cho vay chứng khoán;
- Cho vay hạn mức thấu chi.

Đối tượng khách hàng cá nhân được phân khúc và đánh giá là phù hợp với chiến lược phát triển của MB. Việc cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân được xem xét trên nguyên tắc thận trọng, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ khi cho vay và khách hàng phải đáp ứng đủ điều kiện về tài chính, kinh nghiệm kinh doanh, tư cách đạo đức theo quy định của MB.

6.3.4. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Chỉ tiêu (hợp nhất tại ngày 31/12/2023)	Toàn ngành		MB		Thị phần (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng (%)	
Tổng tài sản	20.073.281	9,83	944.954	29,71	4,71
Dư nợ cho vay	13.568.978	13,78	611.049(*)	32,67	4,50

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 của MB

(*) Số liệu theo khoản mục cho vay khách hàng trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2023. Tại 31/12/2023, thị phần của MB về tổng tài sản, dư nợ cho vay so với toàn hệ thống ngân hàng lần lượt là 4,71% và 4,50%. Về tốc độ tăng trưởng so với năm 2022, MB cũng ghi nhận tốc độ

tăng trưởng cao hơn so với toàn ngành ở các chỉ tiêu liệt kê trên.

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

❖ Sáng kiến bán hàng thông minh và thấu hiểu khách hàng:

Áp dụng công nghệ mới bao gồm AI (trí tuệ nhân tạo), BigData, Robotic quy trình tự động hóa cung cấp dịch vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống, số lượng dự án tự động hóa triển khai gấp 1,5 lần năm 2022.

❖ Sáng kiến vận hành thông minh:

Với việc triển khai 2 dự án Tái thiết kế quy trình (BPR) và Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA), MB đã gia tăng đáng kể tốc độ xử lý giao dịch cho khách hàng cũng như quy trình nội bộ, tối ưu hóa nguồn lực, giải phóng thêm 70 FTEs trong năm 2021.

❖ Sáng kiến quản trị tài chính và dữ liệu thông minh:

MB nâng cao chất lượng dữ liệu khách hàng và làm chủ dữ liệu bằng việc đầu tư xây dựng các hệ thống Quản trị dữ liệu hiện đại như ODS, meta data, tối ưu hóa DWH; hoàn chỉnh các khung chính sách về Quản trị dữ liệu cũng như các công cụ đo lường chất lượng dữ liệu. Triển khai dự án Quản lý lợi nhuận đa chiều (MPA) giúp phân tích chính xác hiệu quả hoạt động theo đơn vị kinh doanh, khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, là cơ sở để MB quản trị tốt chi phí và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

❖ Sáng kiến quản trị rủi ro thông minh:

Với dự án PD, MB đã hoàn thành xây dựng các mô hình PD, LGD, EAD đáp ứng Basel II và ứng dụng sâu rộng kết quả mô hình vào hoạt động kinh doanh. Triển khai Dự án ICAAP giúp MB nhận diện và quản trị được 100% các rủi ro trọng yếu trên hệ thống phần mềm, từ đó tối ưu hoá phân bổ vốn, định giá dựa trên rủi ro.

❖ Sáng kiến hạ tầng công nghệ thông tin linh hoạt:

Để tham gia vào công cuộc chuyển dịch số, MB đã trang bị cho mình một nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, linh hoạt với việc triển khai nhóm 8 dự án IT bao gồm Private Cloud, VDI, Consolidated Database, SDN, ITSM, DLP, Microservices, CRM Next Generation, thực hiện mục tiêu đảm bảo năng lực xử lý hệ thống, cam kết tỷ lệ giao dịch thành công trên 99%, đáp ứng yêu cầu kinh doanh cho quy mô trên 20 triệu khách hàng, giảm thời gian phát triển đưa sản phẩm ra thị trường nhằm tăng cơ hội/ hiệu quả cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ của MB.

MB bám sát mục tiêu chiến lược, triển khai 11 sáng kiến chiến lược và các dự án đồng bộ đạt kết quả tốt. Trong năm vừa qua, MB tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh về quy mô khách hàng, lũy kế đạt gần 20 triệu khách hàng, cán mốc mục tiêu chiến lược 2026. Các tỷ lệ quản trị về NPL, CIR, ROE, ROA đều ở mức cao so với thị trường và dẫn tiệm cận mục tiêu chiến lược đến 2026.

Chuyển đổi số hóa mạnh mẽ: Sau 3-5 năm chuyển đổi số, số lượng giao dịch trên kênh số từ Top 10 lên Top 1 thị trường, App MBBank đứng số 1 trong các ứng dụng tài chính về lượt tải, gấp 2-

3 lần so với các nhóm còn lại. Đầu tư mạnh cho công nghệ, ứng dụng nhiều công nghệ mới cho quản lý, nâng cấp và số hóa các quy trình, sản phẩm giúp gia tăng giá trị cho MB.

MB hoàn thiện hệ sinh thái số với nhiều sản phẩm nổi bật: các sản phẩm của MB xây dựng trong năm vừa qua tạo sự khác biệt trên thị trường và tạo nên xu hướng như tài khoản số đẹp, tài khoản giống số điện thoại, thanh toán bằng mã QR, Thẻ Hybrid (Hi-Collection), nền tảng đầu tư Wealth Management, chợ ứng dụng Market place, v.v.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

7.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2022, 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2022/2023	30/09/2024
Tổng giá trị tài sản	728.532.373	944.953.640	29,71%	1.028.819.208
Vốn chủ sở hữu	79.613.219	96.711.159	21,48%	110.023.198
Thu nhập lãi thuần	36.023.122	38.683.848	7,39%	30.010.041
Tổng thu nhập hoạt động	45.592.625	47.306.062	3,76%	38.849.711
Thuế và các khoản phải nộp	3.335.367	3.539.461	6,12%	1.655.851
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30.776.997	32.393.121	5,25%	27.089.016
Lợi nhuận trước thuế	22.729.320	26.306.089	15,74%	20.736.208
Lợi nhuận sau thuế	18.155.185	21.053.792	15,97%	16.569.642
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	25,55%	23,88%		21,37%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2022, 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2022/2023	30/09/2024
Tổng giá trị tài sản	690.664.584	902.044.947	30,61%	973.058.834
Vốn chủ sở hữu	72.600.227	88.597.399	22,03%	101.523.571

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2022/2023	30/09/2024
Thu nhập lãi thuần	28.995.235	31.950.560	10,19%	24.911.738
Tổng thu nhập hoạt động	35.923.420	39.073.074	8,77%	33.188.965
Thuế và các khoản phải nộp	3.066.138	3.285.272	7,15%	1.450.766
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	25.377.968	27.682.690	9,08%	24.201.875
Lợi nhuận trước thuế	20.318.374	24.688.003	21,51%	20.030.238
Lợi nhuận sau thuế	16.310.087	19.830.543	21,58%	16.188.180
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	25,11%	24,60%		22,71%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

Tổng tài sản của MB tăng dần qua các năm, theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, tổng tài sản tăng 29,71% so với năm 2022 chủ yếu nhờ cho vay khách hàng năm 2023 tăng 32,67% so với năm 2022.

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, vốn chủ sở hữu của MB tăng qua các năm, năm 2023, vốn chủ sở hữu tăng 21,48% so với năm 2022. Nguyên nhân MB thực hiện tăng vốn điều lệ từ 45.340 tỷ đồng lên 52.141 tỷ đồng trong năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế của MB (hợp nhất) năm 2023 đạt 26.306 tỷ đồng, tăng trưởng 15,74% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 15,97% so với năm 2022 do Thu nhập lãi thuần tăng trưởng 7,39% nhờ tận dụng tốt nguồn vốn Casa.

Hoạt động kinh doanh riêng của ngân hàng cũng đạt kết quả tích cực. Tổng thu nhập hoạt động riêng lẻ của MB năm 2023 đạt 39.073 tỷ đồng, tăng 8,77% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt 19.831 tỷ đồng, tăng 21,58% so với cùng kỳ năm 2022. Kết quả kinh doanh tích cực năm 2023 của MB là nhờ hoạt động quản lý danh mục sinh lời hiệu quả, tối ưu chi phí vốn đến từ từ việc tỷ lệ CASA cao (top đầu toàn hệ thống).

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính năm 2022 và 2023: Chấp nhận toàn phần.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1. Thuận lợi:

- Mặc dù môi trường quốc tế có nhiều bất ổn nhưng Việt Nam vẫn đạt được các chỉ tiêu vĩ mô tích cực. Các chỉ số căn bản được cải thiện rõ nét so với 10 năm trước. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và kiều hối tăng trưởng. Mặc dù tỷ giá và lãi suất có tăng trên bình diện chung nhưng vẫn trong tầm kiểm soát của chính phủ.
- MB là một ngân hàng có uy tín với mạng lưới rộng lớn và hoạt động hiệu quả trong nhiều năm qua. Với chiến lược và định hướng rõ ràng cùng sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị và sự ủng hộ của các cơ quan quản lý, MB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn thị trường 1,2 đến 1,5 lần tùy từng chỉ tiêu. Đồng thời công tác quản trị rủi ro luôn được chú

trọng, với tỷ lệ nợ xấu ở mức quanh 1% trong nhiều năm qua và tỷ lệ bao phủ nợ xấu luôn đạt mức trên 100%, có những thời điểm trên 300%.

- Bối cảnh hiện tại khi hành lang pháp lý cho phát hành trái phiếu đang được siết lại, nhà đầu tư không có nhiều hàng hóa chất lượng để lựa chọn, nên việc phát hành trái phiếu của một tổ chức tín dụng như MB sẽ thu hút được lượng lớn nhu cầu của nhà đầu tư.

7.2.2. Khó khăn

- Môi trường kinh tế vĩ mô còn nhiều biến số phức tạp, căng thẳng địa chính trị, lạm phát và lãi suất tăng mạnh tại nhiều quốc gia. Ở cấp độ vi mô, suy giảm lòng tin của nhà đầu tư và người dân ảnh hưởng đáng kể đến một số lĩnh vực kinh doanh nhất định như nghiệp vụ ngân hàng đầu tư.
- Mặt bằng lãi suất đang ở mức cao trong khi tín dụng bị thắt chặt theo sự quản lý của NHNN sẽ hạn chế không gian tăng trưởng của MB.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

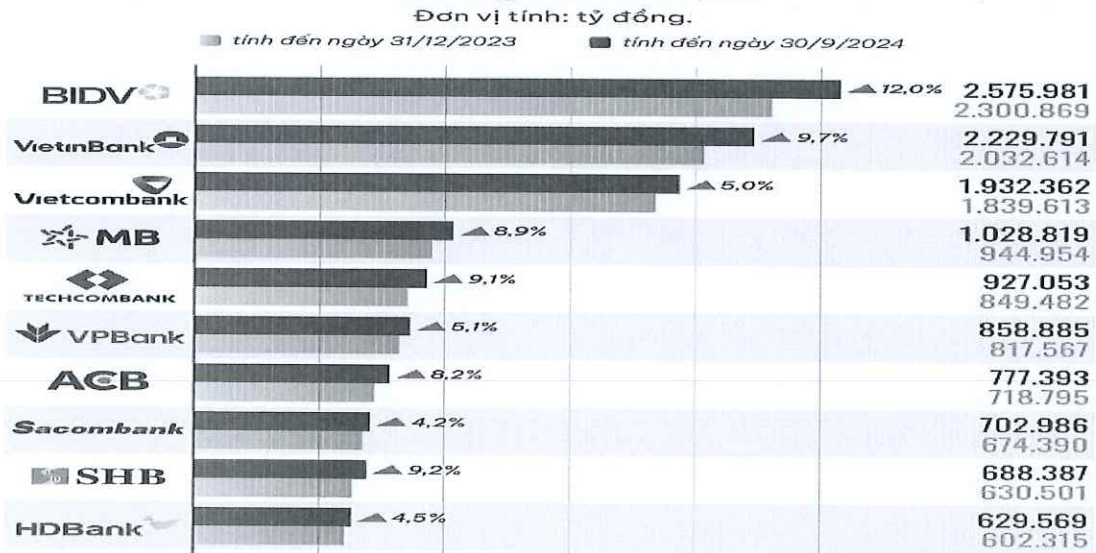
8.1. Vị thế của công ty trong ngành

MB là một trong số những ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tài sản. Tính tới thời điểm 30/09/2024, MB đứng thứ 4 trên hệ thống các ngân hàng cổ phần về quy mô tài sản với tổng giá trị tài sản đạt gần 1,03 triệu tỷ đồng và là ngân hàng tư nhân có quy mô tài sản lớn nhất hệ thống.

Chi tiết thông tin 10 ngân hàng cổ phần có tổng tài sản lớn nhất 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

Hình 3: 10 ngân hàng cổ phần có tổng tài sản lớn nhất 9 tháng đầu năm 2024

Top 10 ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất 9 tháng năm 2024



Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2023 và Quý III năm 2024 của các ngân hàng

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tính đến thời điểm hết tháng 7/2024, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt mức 14,33 triệu tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng 5,66% so với con số cuối năm 2023 và cao hơn so với cùng kỳ chỉ đạt mức 4,54%.

Song nhìn chung, nhu cầu tín dụng của toàn ngành vẫn ở mức yếu do nền kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đồng thời thị trường bất động sản vẫn chưa cho thấy dấu hiệu hồi phục rõ ràng.

Kể từ ngày 11/3/2024, Ngân hàng Nhà nước đã chính thức khởi động lại kênh hút tiền thông qua tín phiếu sau 4 tháng tạm ngưng. Nguyên nhân là do áp lực tỷ giá trong giai đoạn vừa qua tăng mạnh khiến cơ quan quản lý phải liên tục điều tiết thanh khoản thị trường bằng việc bơm hút trên thị trường mở và đồng thời bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối.

Điều đó đã đẩy lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm có thời điểm lên đến gần 5%. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, dưới sự chỉ đạo tích cực từ Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá đã có nhiều dấu hiệu hạ nhiệt và lãi suất liên ngân hàng chỉ còn ở mức 4,37% tại ngày 31/7/2024

Kết thúc tháng 7/2024, lãi suất huy động tại một số ngân hàng bắt đầu có dấu hiệu tăng nhẹ, dao động trong mức từ 4,6% đến 5,2%. Tuy có tăng nhẹ, song mức lãi suất huy động hiện tại vẫn cách khá xa so với đỉnh lãi suất gần đây được thiết lập vào tháng 1/2023 ở mức 7,4% cho đến 9%. Thêm vào đó, lãi suất huy động hiện tại vẫn đang ở mức rất thấp trong vòng 20 năm trở lại đây.

Ngoài ra, có thể thấy thanh khoản hệ thống ngân hàng đã quay trở lại mức ổn định sau hơn 3 tháng Ngân hàng Nhà nước kiểm soát nhằm ổn định tỷ giá. Điều đó được phản ánh thông qua lãi suất liên ngân hàng bắt đầu hạ nhiệt và tiền gửi của cư dân tiếp tục đi vào hệ thống ngân hàng.

Theo số liệu tổng hợp từ 27 ngân hàng niêm yết trên thị trường có thể thấy thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của ngành đã có sự sụt giảm đáng kể trong quý 2/2024 vừa qua khi chỉ đạt 247.680 tỷ đồng, giảm 9,4% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, do tỷ suất CASA toàn ngành tăng trưởng tốt như đã đề cập phía trên, đi kèm với lãi suất huy động suy giảm trong giai đoạn qua đã giúp chi phí lãi sụt giảm mạnh 0,5% từ mức 4,9% xuống còn 4,4% trong quý 2, đẩy NIM toàn ngành tăng nhẹ từ 3,4% lên mức 3,5%.

Theo thống kê từ những ngân hàng niêm yết, tỷ lệ nợ xấu toàn ngành trong quý 2/2024 duy trì ở mức 2,2% và chưa có dấu hiệu suy giảm. Trong đó, nợ nhóm 2 đã dần hạ nhiệt so với quý 1/2024 khi giảm từ mức 2,1% về chỉ còn 1,8%.

Tuy nhiên, có thể thấy rõ NPL của ngành ngân hàng vẫn đang duy trì xu hướng tăng. Tính đến hết quý 2/2024, NPL toàn ngành đã lên đến 240,32 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với quý 1/2024 và tăng tới 26,12% so với cùng kỳ. Nguyên nhân cốt lõi vẫn đến từ tình hình ảm đạm tại thị trường bất động sản với những khoản nợ xấu chưa thể giải quyết.

Thêm vào đó, bộ đệm dự phòng rủi ro của toàn ngành ngân hàng cũng mỏng đi khá nhiều trong giai đoạn vừa qua khiến lợi nhuận ngân hàng có khả năng bị bào mòn cao hơn trong nửa cuối năm 2024 và đầu năm 2025 nếu Thông tư 02 hết hiệu lực, khiến các ngân hàng chịu áp lực xử lý nợ xấu gia tăng trong giai đoạn tới.

Sự phục hồi của nền kinh tế sẽ tiếp tục đẩy nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp tăng cao để mở rộng sản xuất, và đồng thời kích thích tiêu dùng của người dân. Do đó, Kirin Capital cho rằng tăng trưởng tín dụng năm 2024 hoàn toàn có thể đạt 14% - 15%, tiệm cận mức mục tiêu của Chính phủ đề ra.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 23: So sánh kết quả kinh doanh của MB với một số ngân hàng khác năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty	Mã CP	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tiền gửi của Khách hàng	Cho vay khách hàng	Tổng thu nhập hoạt động	Lợi nhuận sau thuế
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	55.890.913	165.012.666	1.395.697.611	1.241.675.333	67.723.462	33.054.448
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	CTG	53.699.917	125.871.820	1.410.899.038	1.445.571.643	70.260.897	20.044.622
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	57.004.359	122.866.889	1.704.690.185	1.737.195.822	73.013.017	21.977.141
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	22.016.350	32.742.917	208.261.560	202.586.102	16.236.757	4.463.325
Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	79.339.236	139.795.527	442.368.381	551.472.066	49.739.488	8.494.171
Ngân hàng TMCP Kỹ Việt Nam	TCB	35.225.108	131.616.065	454.660.779	512.513.672	40.061.092	18.190.866
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	MBB	52.140.841	96.711.159	567.532.577	599.579.267	47.306.062	21.053.792

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của các ngân hàng công bố tại HOSE, MBS tổng hợp

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đang chịu nhiều tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì MB với định hướng chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua các giải pháp kinh doanh, quản trị và đẩy mạnh số hoá phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Bảng 24: Cơ cấu lao động của MB tại 30/09/2024

Phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<i>Theo trình độ</i>	11.408	
Đại học và trên đại học	10.867	95%
Cao đẳng, trung cấp	346	3%
Dưới trung cấp	195	2%
<i>Theo giới tính</i>	11.408	
Nữ	6.870	60%
Nam	4.538	40%

Nguồn: MB

9.2. Chính sách đào tạo, chính sách đãi ngộ

9.2.1. Về chính sách đào tạo

Hoạt động đào tạo của MB được quản lý tập trung tại Trung tâm Học tập và Sáng tạo. Các chương trình đào tạo được thiết kế và xây dựng theo chức danh phù hợp với Bảng mô tả công việc của từng vị trí.

Trong năm 2023, MB đã tổ chức 429 khóa đào tạo (trực tiếp và trực tuyến) cho 99.740 lượt học viên tham gia. Tính đến hết tháng 09/2024, MB đã thực hiện được 530 khóa đào tạo (trực tiếp và trực tuyến) với hơn 140.000 lượt người tham. Các khóa đào tạo đều đạt chất lượng tốt và được học viên đánh giá có tính thực tiễn.

Các chương trình đào tạo ngắn hạn trong nước

MB xây dựng chương trình đào tạo bài bản và chuẩn mực theo từng chức danh cho toàn thể cán bộ nhân viên, đào tạo các kỹ năng, đào tạo chuyên sâu một số lĩnh vực, đào tạo theo chức danh và các chương trình nâng cao năng lực quản trị.

MB cũng chú trọng tổ chức các khóa học chuyên sâu về nghiệp vụ nâng cao và các phương thức quản lý nhân sự theo chuẩn mực của Ngân hàng cho cán bộ quản lý trẻ.

Các khóa đào tạo nước ngoài

Các khóa đào tạo chuyên sâu và tu nghiệp tại nước ngoài giúp đội ngũ nhân sự tại MB học hỏi được những kiến thức và quy trình nghiệp vụ ngân hàng tiên tiến tại các nước phát triển.

Khuyến khích đào tạo dài hạn

MB áp dụng các chính sách hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa đào tạo dài hạn. Nhân viên có thể tham gia các lớp học văn bằng 2 hệ Đại học, các khóa sau Đại học chuyên sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng hay MBA để nâng cao kiến thức chuyên ngành và năng lực, kỹ năng quản lý với sự hỗ trợ tài chính từ phía MB.

Đào tạo tài năng trẻ

Với mục tiêu chủ động nhân sự nguồn kế cận có tố chất tốt, năng lực, đạo đức, phù hợp với văn hóa và cam kết cao; đảm bảo đủ nguồn lực thực thi những mục tiêu mới, chiến lược dài hạn, MB đã thực hiện quy hoạch cán bộ với các chức danh lãnh đạo, quản lý đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của từng đơn vị và của MB. Với nhân sự kế cận, MB tập trung đào tạo về mặt định hướng, chiến lược, kỹ năng quản lý và đặc biệt là nghiệp vụ chuyên sâu của từng nhân sự nhằm phát triển nhân sự một cách toàn diện. Với nhân sự tiềm năng, MB triển khai các chương trình đào tạo thực tế thông qua giao việc thử thách, đào tạo kèm cặp tại đơn vị tạo hành trang vững chắc cho nhân sự kế nhiệm được phát huy tại vị trí được kế nhiệm. Hàng năm, MB tổ chức các cuộc thi về nghiệp vụ, kiểm tra chức danh nhằm đánh giá chất lượng cán bộ cũng như tìm kiếm các nhân sự tiềm năng để đầu tư đào tạo phát triển toàn diện trong tương lai

9.2.2. Chính sách đãi ngộ

Chính sách lương thưởng của MB được xây dựng trên nguyên tắc hiệu quả công việc căn cứ theo mô tả công việc của các cá nhân, tập thể và đóng góp của từng thành viên vào sự phát triển của MB. Trong những năm qua, MB đã thường xuyên điều chỉnh lương của cán bộ nhân viên phù hợp với mức lương trên thị trường lao động và hiệu quả kinh doanh của MB, mang tính cạnh tranh đồng thời đảm bảo tốt đời sống cho cán bộ nhân viên. Ngoài ra, MB còn có nhiều chính sách đãi ngộ dành cho người lao động như: cổ phiếu thưởng, lương kinh doanh, các gói đãi ngộ dành cho người lao động và gia đình ở từng chức danh, chính sách thu hút nhân tài; khen thưởng định kỳ và thưởng đột xuất nhằm khuyến khích kịp thời đối với các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh,... tạo động lực và sự gắn bó đối với cán bộ nhân viên. Điều này góp phần làm cho MB có nguồn nhân lực tốt, ổn định và là Ngân hàng có tỷ lệ nhân viên nghỉ việc thấp nhất trong các năm qua. Chính sách lương và đãi ngộ đối với người lao động luôn tính đến kết quả kinh doanh của MB và thành tích của người lao động.

10. Chính sách cổ tức, chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết**10.1. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ MB, kế hoạch chi trả/tạm ứng cổ tức được thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. MB chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; và vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài

sản khác đến hạn (nếu có) sau khi hoàn thành việc chi trả cổ tức.

ĐHĐCĐ quyết định việc chi trả cổ tức dựa trên cơ sở đề nghị của HĐQT, trong đó gồm các nội dung sau:

- Cổ tức được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của MB,
- Cổ tức có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của MB hoặc bằng tài sản khác phù hợp quy định pháp luật,
- HĐQT quyết định cụ thể phương án chi trả cổ tức, thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức trên cơ sở phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của MB và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bảng 25: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ trả cổ tức	20% (trong đó, tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 15% và tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt là 5%, từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2022)	20% (trong đó, tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 15% và tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt là 5%, từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2023)
Tình trạng	Đã hoàn thành chi trả cổ tức năm 2022	Đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Dự kiến sẽ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2024.

10.2. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết

10.2.1. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái phiếu

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo quy định của pháp luật và phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm MB có thể huy động vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có điều kiện điều khoản khác hoặc tương tự với Trái Phiếu) hoặc công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì đảm bảo rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

10.2.2. Thứ tự ưu tiên thanh toán

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết. Trong trường hợp MB bị thanh lý hoặc mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động hoặc phá sản. Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi MB đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau. Không có trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.

11. Tình hình hoạt động tài chính
11.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
Bảng 26: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	30/09/2024
1. Quy mô vốn				
- Vốn điều lệ	Triệu đồng	45.339.861	52.140.841	52.870.841
- Tổng tài sản có	Triệu đồng	728.532.373	944.953.640	1.028.819.208
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	11,53	10,75	11,40
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Huy động tiền gửi của khách hàng	Triệu đồng	443.605.638	567.532.577	627.567.353
- Dự nợ cho vay khách hàng	Triệu đồng	460.574.482	611.048.830	702.019.545
- Doanh số thu nợ khách hàng (*)	Triệu đồng	537.740.408	719.399.739	671.586.800
- Nợ quá hạn	Triệu đồng	12.840.226	23.722.525	28.942.181
- Nợ khó đòi (Nợ xấu)	Triệu đồng	5.031.294	9.804.658	15.684.671
- Hệ số sử dụng vốn (Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn)	%	30,38	26,10	28,09
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh		N/A	N/A	N/A
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	2,79	3,88	4,12
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,09	1,60	2,23
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	14,10	16,67	12,55
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VNĐ)	%	75,63	87,35	70,77
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (ngoại tệ)(**)	%	-745,99	104,31	-119,92
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được	%	30,38	26,10	28,09

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	30/09/2024
cho vay trung dài hạn				

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Bảng 27: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	30/09/2024
1. Quy mô vốn				
- Vốn điều lệ	Triệu đồng	45.339.861	52.140.841	52.870.841
- Tổng tài sản có	Triệu đồng	690.664.584	902.044.947	973.058.834
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	11,37	10,75	11,37
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Huy động tiền gửi của khách hàng	Triệu đồng	447.477.408	569.640.145	626.141.735
- Dư nợ cho vay khách hàng	Triệu đồng	435.190.951	577.862.946	664.451.640
- Doanh số thu nợ khách hàng (*)	Triệu đồng	537.740.408	719.399.739	671.586.800
- Nợ quá hạn	Triệu đồng	6.740.896	16.350.022	22.135.868
- Nợ khó đòi (Nợ xấu)	Triệu đồng	3.625.182	8.121.854	13.704.673
- Hệ số sử dụng vốn (Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn)	%	30,38	26,10	28,09
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh		NA	NA	NA
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	1,55	2,83	3,33
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	0,83	1,41	2,06
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	14,10	16,67	12,55
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VNĐ)	%	75,63	87,35	70,77
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (ngoại tệ)(**)	%	-745,99	104,31	-119,92
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được cho vay trung dài hạn	%	30,38	26,10	28,09
- Tỷ lệ dự nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)	%	75,29	76,45	81,19

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

(*) Doanh số thu nợ khách hàng là tổng giá trị các khoản cho vay khách hàng mà MB thu hồi được của riêng Ngân hàng từ đầu kỳ đến thời điểm báo cáo, chỉ bao gồm cho vay và không bao gồm thẻ và trái phiếu doanh nghiệp.

(**) Theo quy định của Ngân hàng nhà nước trong trường hợp Ngân hàng thương mại xác định dòng tiền ra ròng đối với ngoại tệ trong 30 ngày tiếp theo là dương, ngân hàng phải duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ $\geq 10\%$. Tại thời điểm 30/12/2022 và 30/09/2024 MB có dòng tiền vào ròng đối với ngoại tệ trong 30 ngày liên tiếp.

11.2. Các chỉ tiêu khác

11.2.1. Tình hình công nợ

MB thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Bảng 28: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản phải thu	20.160.561	14.289.084	12.019.533
Các khoản lãi, phí phải thu	6.786.414	8.668.557	8.867.350
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải thu	10.986	28.710	35.062
Tài sản có khác	6.174.673	6.406.669	6.453.634
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(231.500)	(174.926)	(153.529)
Tổng	32.901.134	29.218.094	27.222.050

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 29: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản phải thu	15.492.152	9.616.627	6.849.265
Các khoản lãi, phí phải thu	5.895.530	7.714.671	7.792.481



Tài sản có khác	1.772.414	2.603.899	2.541.626
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(27.708)	(39.258)	(39.258)
Tổng	23.132.388	19.895.939	17.144.114

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

Bảng 30: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản lãi, phí phải trả	7.688.257	13.390.191	8.824.156
Các khoản phải trả và công nợ khác	33.895.818	38.236.542	35.893.971
Dự phòng các khoản nợ khác	27	994	994
Tổng	41.584.102	51.627.727	44.719.121

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 31: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản lãi, phí phải trả	7.733.881	13.473.197	8.765.429
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.912.598	21.017.830	15.610.616
Dự phòng các khoản nợ khác	27	-	-
Tổng	25.646.506	34.491.027	24.376.045

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

11.2.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Ngân hàng TMCP Quân đội nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/09/2024 như sau:

Bảng 32: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.127.484	3.322.906	1.504.616
2	Thuế giá trị gia tăng	91.496	111.864	62.873
3	Các loại thuế khác	116.387	104.691	88.362
Tổng cộng		3.335.367	3.539.461	1.655.851

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 33: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.980.880	3.169.293	1.372.898
2	Thuế giá trị gia tăng	27.671	58.031	37.016
3	Các loại thuế khác	57.587	57.948	40.852
Tổng cộng		3.066.138	3.285.272	1.450.766

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

11.2.3. Trích lập các quỹ theo luật định

Ngân hàng TMCP Quân đội thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông. MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong đó, các quỹ được sử dụng cho mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân Hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ khác: trích theo quy định hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ của các công ty con của MB được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của từng công ty.

Bảng 34: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	Quỹ dự phòng tài chính	5.678.339	7.299.936	9.295.036

TT	Các loại quỹ	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.952.327	4.076.438	4.731.548
3	Quỹ khác	657.952	817.557	1.122.624
Tổng cộng		9.288.618	12.193.931	15.149.208

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập

Bảng 35: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	Quỹ dự phòng tài chính	5.544.652	7.175.661	9.158.715
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.779.726	3.595.230	4.586.757
3	Quỹ khác	645.974	807.788	1.112.851
Tổng cộng		8.970.352	11.578.679	14.858.323

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

(Thông tin số cổ phần nắm giữ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Người liên quan được ghi nhận tại ngày 30/09/2024)

13.1. Hội đồng quản trị

Bảng 36: Danh sách Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP quân Đội nhiệm kỳ 2024 - 2029

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
2	Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Phó Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
3	Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
4	Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
5	Ông Phạm Như Ánh	Thành viên HĐQT	15/06/2024
6	Ông Phạm Doãn Cương	Thành viên HĐQT	15/06/2024
7	Ông Lê Viết Hải	Thành viên HĐQT	15/06/2024
8	Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên HĐQT	15/06/2024
9	Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	15/06/2024

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
10	Ông Vũ Xuân Nam	Thành viên HĐQT	15/06/2024
11	Ông Hoàng Văn Sâm	Thành viên độc lập HĐQT	15/06/2024

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

13.1.1. Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Lưu Trung Thái**
 Năm sinh : 1975
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Chủ tịch HĐQT
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
10/1997 - 09/2001	Ngân hàng TMCP Quân đội	Nhân viên tín dụng
10/2001 - 05/2004	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Phòng phụ trách Phòng tín dụng
06/2004 - 11/2007	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	Giám đốc Chi nhánh
12/2007 - 04/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc nhân sự
04/2008 - 11/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc
11/2011 - 04/2013	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
04/2013 - 09/2013	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên HĐQT
09/2013 - 01/2017	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Chủ tịch HĐQT
01/2017 - 12/04/2023	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
12/04/2023 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 6.287.908 cổ phần, tỷ lệ 0,118% vốn điều lệ
 + Sở hữu cá nhân : 6.287.908 cổ phần, tỷ lệ 0,118% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
--------	-------------	--------------------------

Lưu Thiều Thu	Em gái	31.891
Phạm Văn Lôi	Em rể	6
Tống Anh Văn	Em rể	155.256

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 1.989 triệu đồng
 Tiền lương năm 2023: 1.253 triệu đồng
 (miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 12/4/2023)
 Tiền lương năm 2022: 3.062 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 437,55 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

13.1.2. Bà Nguyễn Thị Hải Lý – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Nguyễn Thị Hải Lý**
 Năm sinh : 1974
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : - Cử nhân Quản trị - Đại học Kinh tế Quốc dân;
 - Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng Ban Đầu tư Tài chính - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel
 Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
01/1996 – 02/2005	Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội; Công ty Viễn thông Quân đội	Nhân viên
03/2005 - 12/2009	Tổng Công ty Viễn thông Quân đội	Phó phòng Đầu tư – Trưởng phòng Đầu tư
01/2010 - 08/2022	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Trưởng Phòng Đầu tư – Trưởng Ban Đầu tư – Xây dựng
09/2018 - 04/2023	Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel	Phó Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch HĐQT
05/2023 - nay	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Trưởng Ban Đầu tư Tài chính
05/2023 - 06/2024	Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel (VTG)	Phó Chủ tịch HĐQT

6/2024 – nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Chủ tịch HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	:	605.148.665 cổ phần, tỷ lệ 11,405% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân	:	145.815 cổ phần, tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	:	605.002.850 cổ phần (đại diện 60% vốn góp của Viettel và Viettel - Commerce tại MB), tỷ lệ 11,402% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Bà Nguyễn Thị Hải Lý đại diện 60% vốn của Viettel tại MB	780.137.989
Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL (Viettel-Commerce)	Bà Nguyễn Thị Hải Lý đại diện 60% vốn của Viettel Commerce tại MB	228.200.095

Lợi ích liên quan đối với MB : Bà Nguyễn Thị Hải Lý là người đại diện vốn của Viettel và Viettel - Commerce, thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 1,15 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

13.1.3. Bà Vũ Thị Hải Phượng – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên	:	Vũ Thị Hải Phượng
Năm sinh	:	1970
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH	:	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei
Quá trình công tác	:	

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
1993 - 04/1994	Viettronic Đống Đa	Nhân viên
10/1994 - 06/2002	Ngân hàng TMCP Quân đội	Nhân viên tín dụng - Trưởng Phòng

07/2002 - 07/2004	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế	Giám đốc Chi nhánh
07/2004 - 09/2004	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng phòng
10/2004 - 06/2007	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	Phó Giám đốc - Giám đốc Chi nhánh
06/2007 - 08/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh
09/2008 - 04/2014	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối
04/2014 - 04/2019	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng Ban Kiểm soát
04/2019 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Chủ tịch HĐQT
01/2020 - nay	Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI (Mcredit)	Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 3.349.097 cổ phần, tỷ lệ 0,063% vốn điều lệ
 + Sở hữu cá nhân : 3.349.097 cổ phần, tỷ lệ 0,063% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Trần Minh Tuấn	Chồng	43.562
Trần Vũ Hà Duy	Con trai	18.696
Trần Hà Linh	Con gái	0
Vũ Khánh Huyền	Cháu ruột	40
Lê Quốc Ninh	Bà Vũ Thị Hải Phượng và Ông Lê Quốc Ninh được MB ủy quyền đại diện vốn tại MB Shinsei	858.213

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.576 triệu đồng
 Thù lao HĐQT năm 2022: 2.510 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 190,73 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

13.1.4. Ông Vũ Thành Trung - Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Vũ Thành Trung**
 Năm sinh : 1981
 Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - International University of Japan;
- Cử nhân Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
Thành viên Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
06/2003 – 06/2006	Công ty Kanematsu Corporation, Nhật Bản	Nhân viên
08/2008 – 10/2010	Công ty Chứng khoán Vincome	Trưởng Phòng
11/2010 – 05/2015	Công ty CP Quản lý quỹ MB	Giám đốc Đầu tư – Phó Tổng Giám đốc
05/2015 - 04/2017	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Giám đốc Khối
4/2016 – 04/2023	Công ty CP Chứng khoán MB	Phó Chủ tịch HĐQT
04/2017 – 08/2020	Ngân hàng TMCP Quân đội	Chánh Văn phòng TGD- Giám đốc Khối
08/2020 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên Ban Điều hành
06/2024 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 893.103 cổ phần, tỷ lệ 0,017% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 893.103 cổ phần, tỷ lệ 0,017% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Vũ Văn Quế	Bố đẻ	23.473

Lợi ích liên quan đối với MB : Theo quy định nội bộ của Ngân hàng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 109,28 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

13.1.5. Ông Phạm Như Ánh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên : **Phạm Như Ánh**

Năm sinh : 1980

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
07/2002 – 04/2005	Công ty TNHH Dệt may Thái Tuấn Đà Nẵng	Trưởng Phòng
05/2005- 07/2006	Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng	Nhân viên tín dụng
08/2006- 06/2007	Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng	Phó Phòng Khách hàng Doanh nghiệp
07/2007- 08/2009	Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bình Định	Giám đốc Chi nhánh
09/2009 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đông Sài Gòn	Giám đốc Chi nhánh
11/2011 - 04/2017	Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bắc Sài Gòn	Giám đốc Chi nhánh
04/2017 - 08/2020	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc Khối Khách hàng lớn
08/2020 - 12/04/2023	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên Ban Điều hành
12/04/2023 - 17/05/2023	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành
18/05/2023 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Tổng Giám Đốc
15/06/2024 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ : 3.572.838 cổ phần, tỷ lệ 0,067% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 3.572.838 cổ phần, tỷ lệ 0,067% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Lê Thị Hồng Phấn	Vợ	1.431.754
Phạm Như Vân	Em trai	10
Ngô Thị Kim Loan	Em dâu	1.380

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.688 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 1.759 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 4,37 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)
điểm 30/06/2024

13.1.6. Ông Phạm Doãn Cương - Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Phạm Doãn Cương**
Năm sinh : 1981
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học University of Sunderland (Anh).
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông;
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
01/2004 – 07/2004	Công ty Cổ phần Tân Đại địa	Nhân viên kế toán
08/2004 – 10/2008	Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel)	Chuyên viên- Trưởng ban
11/2010 – 03/2011	Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Phó Giám đốc Trung tâm di động
04/2011 – 01/2012	Công ty Natcom tại Haiti	Phó Tổng Giám đốc
02/2012 – 09/2013	Tập đoàn Viễn Thông Quân đội (Viettel)	Trưởng Ban Viễn thông
10/2013 – 04/2014	Tổng Công ty Viễn thông Viettel – chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)	Phó Giám đốc chi nhánh Viettel Hà Nội
05/2014 – 05/2016	Công ty Viettel Peru	Phó Tổng Giám đốc
06/2016 – 05/2017	Tập đoàn Viễn thông Quân đội	Chuyên viên
06/2017 – 04/2022	Công ty Metfone tại Campuchia	Phó Tổng Giám đốc
01/2019 – 04/2022	Công ty eMoney thuộc Công ty Metfone tại Campuchia	Thành viên HĐQT kiêm TGD
05/2022 - 01/08/2024	Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Phó Tổng Giám đốc
15/6/2024 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 403.335.234 cổ phần, tỷ lệ 7,601% vốn điều lệ
 + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu : 403.335.234 cổ phần (đại diện 40% vốn góp của Viettel và Viettel- Commerce tại MB), tỷ lệ 7,601% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Nguyễn Thị Hải Lý	Ông Phạm Doãn Cương và Bà Nguyễn Thị Hải Lý được Viettel và Viettel-Commerce ủy quyền đại diện vốn góp tại MB	145.815
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Ông Phạm Doãn Cương đại diện 40% vốn góp của Viettel tại MB	780.137.989
Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL (Viettel- Commerce)	Ông Phạm Doãn Cương đại diện 40% vốn góp của Viettel- Commerce tại MB	228.200.095

Lợi ích liên quan đối với MB : Ông Phạm Doãn Cương là người đại diện vốn của Viettel và Viettel-Commerce, thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 0 đồng

13.1.7. Ông Lê Việt Hải - Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Lê Việt Hải**
 Năm sinh : 1975
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCHP : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán MB (MBS)
 Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
09/1996 – 10/2000	Ngân hàng TMCP Quân đội –	Nhân viên

	CN Điện Biên Phủ	
10/2000 – 10/2001	Ngân hàng TMCP Quân đội – Phòng Giao dịch Lý Nam Đế	Phó Phòng Giao dịch
10/2001 – 11/2002	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Lý Nam Đế	Phó Giám đốc Chi nhánh
11/2002 – 10/2010	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hoàng Quốc Việt	Phó Giám đốc - Giám đốc Chi nhánh
10/2010 – 06/2016	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Giám đốc Khối - Giám đốc Khối
07/2016 - 04/2019	Ngân hàng TMCP Quân đội	Chánh Văn phòng HĐQT
03/2017 - 05/2020	Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội	Thành viên HĐQT
04/2019 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên HĐQT
06/2019 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 1.185.047 cổ phần, tỷ lệ 0,022% vốn điều lệ
 + Sở hữu cá nhân : 1.185.047 cổ phần, tỷ lệ 0,022% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Vũ Hoàng Yến	Vợ	1
Lê Công Sòa	Bố đẻ	47.976
Hoàng Lan Hương	Mẹ vợ	10
Lê Thị Hải Yến	Em gái	3.079
Trần Văn Đức	Em rể	70.479
Phan Phương Anh	Ông Lê Viết Hải và Ông Phan Phương Anh được MB ủy quyền đại diện vốn tại MBS	207.085

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.018 triệu đồng
 Thù lao HĐQT năm 2022: 1.956 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 9,82 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

13.1.8. Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Vũ Thái Huyền**

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Trường Đại học kinh tế quốc dân; chuyên ngành Kế toán; 1993-1997; Cử nhân.

- Bộ Tài chính; chuyên ngành Kế toán trưởng; 2002; Chứng chỉ.

- HH Ngân hàng; Nghiệp vụ Ngân hàng; 2007; Chứng chỉ.

- Viện NCĐTQ lý HN; Nghiệp vụ đấu thầu; 2007; Chứng chỉ

- Trung tâm thẩm định giá BTC; Thẩm định giá; 2007; Chứng chỉ.

- Trường ĐHXD; chuyên ngành Kinh tế xây dựng; 2005; Chứng chỉ.

- Trường ĐH Ngoại ngữ; Tiếng Anh C; 1995; Chứng chỉ.

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
05/1997 - 09/1999	Trung tâm QHQT - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	Kế toán viên
10/1999 - 10/2006	Công ty CP Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất	Kế toán tổng hợp; Kế toán trưởng; Ủy viên HĐQT
11/2006 - 02/2007	Tập đoàn Than Khoáng sản	Ban trù bị thành lập Công ty Tài chính Than Khoáng sản
03/2007 - 03/2008	Công ty Tài chính Than khoáng sản - Tập đoàn Than khoáng sản	Trưởng phòng Đầu tư và Trưởng Phòng Nguồn vốn
03/2008 - 02/2012	Công ty Tài chính Sông Đà - Tập đoàn Sông Đà	Phó Tổng Giám đốc
03/2012 - 12/2013	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển xây dựng - DIC Group	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
01/2014 - 31/12/2021	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Phó Trưởng Ban - Trưởng Ban Đầu tư 1
04/2019 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 521.785.635 cổ phần, tỷ lệ 9,833% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 360.310 cổ phần, tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu : 521.425.325 cổ phần (đại diện vốn của SCIC tại MB), tỷ lệ 9,826% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Đào Thu Trang	Chị dâu	15.176
Vũ Thái Duy	Cháu ruột	12.525
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC)	Bà Vũ Thái Huyền là người đại diện vốn của SCIC tại MB	521.425.325

Lợi ích liên quan đối với MB : Bà Vũ Thái Huyền là người đại diện vốn của SCIC, thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện.

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 0,56 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

13.1.9. Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Hoàng Thị Thu Hiền**
 Năm sinh : 1976
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn
 Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
09/1998 – 04/2000	Công ty cổ phần Việt Long	Nhân viên
05/2000 – 06/2004	Công ty Inlaco Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội	Nhân viên
07/2004 – 04/2014	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM	Nhân viên
5/2014 – 09/2021	Công ty TNHH cảng Container Quốc tế Tân Cảng – Hải Phòng	Nhân viên – Trưởng phòng – Giám đốc Tài chính

10/2021 – 11/2022	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	Phó Giám đốc Chi nhánh
12/2022 – nay	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	Phó phòng Kế hoạch – Đầu tư
15/6/2024 – nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 375.973.254 cổ phần, tỷ lệ 7,085% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 375.973.254 cổ phần (đại diện vốn góp của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại MB), tỷ lệ 7,085% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Bà Hoàng Thị Thu Hiền là đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại MB	375.973.254

Lợi ích liên quan đối với MB : Bà Hoàng Thị Thu Hiền là người đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn, thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện.

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 0 đồng

13.1.10. Ông Vũ Xuân Nam -Thành viên HĐQT

Họ và tên : Vũ Xuân Nam

Năm sinh : 1987

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp - Đại học Kinh tế Quốc dân

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng Phòng Đầu tư - Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
08/2011- nay	Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam	Trợ lý – Trưởng Ban – Phó Trưởng phòng – Trưởng phòng
15/06/2024 – nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 447.348.419 cổ phần, tỷ lệ 8,43% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu : 447.348.419 cổ phần, tỷ lệ 8,43% vốn điều lệ (đại diện vốn góp của Tổng công ty trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH và chi nhánh)

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Tổng Công ty trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH và chi nhánh	Ông Vũ Xuân Nam là người đại diện vốn góp của TCT trực thăng Việt Nam và chi nhánh tại MB	447.348.419

Lợi ích liên quan đối với MB : Ông Vũ Xuân Nam là người đại diện vốn của TCT trực thăng Việt Nam, thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện.

Các khoản nợ đối với MB tại : 0 đồng
thời điểm 30/06/2024:

13.1.11. Ông Hoàng Văn Sâm -Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên : **Hoàng Văn Sâm**
Năm sinh : 1960
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : - Cử nhân Luật Kinh tế - ĐH Luật HN;
- Tiến sỹ Tài chính - tiền tệ, Học viện Tài chính;
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không
Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
04/1982 - 03/2006	Cục Tài chính - BQP	Trợ lý - Thanh tra viên - Phó Trưởng phòng - Trưởng phòng
04/2006 - 08/2012	Cục Tài chính - BQP	Phó Cục trưởng
08/2012 - 10/2020	Văn phòng QUTW, Văn phòng BQP	Phó Chánh Văn phòng QUTW, Văn phòng BQL

10/2020		Nghi hưu
15/06/2024 – nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên độc lập HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Nguyễn Lan Thái	Vợ	1

Lợi ích liên quan đối với MB : Theo quy định nội bộ của Ngân hàng
 Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 0 đồng

13.2. Ban Kiểm soát

Bảng 37: Danh sách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội nhiệm kỳ 2024 - 2029

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Bà Lê Thị Lợi	Trưởng ban	15/06/2024
2	Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Trưởng Ban	15/06/2024
3	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên	15/06/2024
4	Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên	15/06/2024
5	Ông Đỗ Văn Tiến	Thành viên	15/06/2024

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

13.2.1. Bà Lê Thị Lợi - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Lê Thị Lợi**
 Năm sinh : 1970
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính
 Chức vụ đang nắm giữ tại : Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội TCPH
 Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
10/1994 - 06/1996	Ngân hàng TMCP Quân đội	Kế toán tổng hợp

07/1996 - 10/1996	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hồ Chí Minh	Kế toán trưởng
11/1996 - 12/2004	Ngân hàng TMCP Quân đội	Kiểm soát viên - Phó Phòng Kế toán tài chính
01/2005 - 08/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	Trưởng Phòng - Phó Giám đốc CN
08/2008 - 06/2009	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Giám đốc Tài chính
07/2009 - 04/2014	Ngân hàng TMCP Quân đội	Quyền Giám đốc Tài chính - Giám đốc Tài chính
05/2014 - 04/2019	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính
04/2019 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ : 2.700.817 cổ phần, tỷ lệ 0,051% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 2.700.817 cổ phần, tỷ lệ 0,051% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Lê Xuân Linh	Anh trai	2
Lê Thị Lai	Chị gái	1
Hoàng Minh Đức	Cháu ruột	16.059
Hoàng Thị Thảo	Cháu ruột	1.100
Phạm Đắc Sơn	Cháu ruột	28.550
Phạm Thị Thúy	Cháu ruột	1.000
Nguyễn Quý Tuấn	Cháu ruột	1.264
Lê Xuân Lập	Cháu ruột	1.169.773
Lê Thị Vân Hải	Cháu ruột	48.900

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 2.348 triệu đồng

Thù lao năm 2023: 2.422 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại : 0 đồng

thời điểm 30/06/2024

13.2.2. Bà Nguyễn Thị An Bình - Phó Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Nguyễn Thị An Bình**

Năm sinh : 1972

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại : Phó Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội TCPH

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
1994 - 2001	Ngân hàng TMCP Quân đội	Kế toán viên/Kiểm soát viên Phòng Kế toán
2001 - 2004	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở
2004 - 2008	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở
2008 - 2009	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc Khối Kiểm tra - Kiểm soát nội bộ
2009 - 24/06/2020	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc
24/06/2020 - 29/06/2020	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên BKS
06/2020 – nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Trưởng BKS

Số cổ phần nắm giữ : 2.980.441 cổ phần, tỷ lệ 0,056% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 2.980.441 cổ phần, tỷ lệ 0,056% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Tô Thị Hải Yến	Em chồng	307.234
Lê Việt Anh	Cháu ruột	14.361

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 2.174 triệu đồng

Thù lao năm 2023: 2.242 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại : 26,45 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng) thời điểm 30/06/2024

13.2.3. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Đỗ Thị Tuyết Mai**

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; CMA Australia; CPIA Ausralia

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội TCPH

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
1998 - 2000	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng	Kế toán
2001 - 2002	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế	Kho quỹ
2002 - 2004	Ngân hàng TMCP Quân đội	Kế toán Phòng Kế toán Hội sở
2004 - 2007	Ngân hàng TMCP Quân đội	Nhân viên Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở
2007 - 2009	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ
2009 - 2019	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng Kiểm toán nội bộ
04/2019 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên BKS

Số cổ phần nắm giữ : 439.505 cổ phần, tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 439.505 cổ phần, tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Nguyễn Hải	Chồng	331.707
Đỗ Thị Mai Hương	Em gái	8.075

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 877 triệu đồng

Thù lao năm 2023: 903 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại : 0 đồng
thời điểm 30/06/2024

13.2.4. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà – Thành viên Ban Kiểm Soát

Họ và tên : Nguyễn Thị Nguyệt Hà

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
- Cử nhân Kế toán tổng hợp - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
- Chứng chỉ CPIA Australia

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội

TCPH

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
0998 – 06/2002	Công ty TNHH Lộc Trường Xuân	Phụ trách kế toán
06/2002 – 05/2004	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	CV Kiểm soát nội bộ
05/2004 – 01/2005	Tổng Cục thuế	Thuế- Chính sách, dự toán ngân sách
01/2005 – 06/2024	Ngân hàng TMCP Quân đội	Chuyên viên - Phó phòng - Trưởng phòng- Phó Giám đốc Khối - Giám đốc Khối – Trưởng Kiểm toán nội bộ
15/6/2024 - nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ : 218.720 cổ phần, tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 218.720 cổ phần, tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Trịnh Hữu Thọ	Chồng	221
Nguyễn Thị Đức	Mẹ đẻ	22.888

Lợi ích liên quan đối với MB : Theo quy định nội bộ của Ngân hàng

Các khoản nợ đối với MB tại : 1,91 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng) thời điểm 30/06/2024

13.2.5. Ông Đỗ Văn Tiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Đỗ Văn Tiến

Năm sinh : 1970

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Học viện Ngân hàng.

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội TCPH

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
11/1992 – 03/1996	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Móng Cái, CN	Nhân viên kế toán

	Quảng Ninh	
03/1996 – 06/2006	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Cán bộ tín dụng – Phó Giám đốc
07/2006 – 08/2007	NH Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bãi Cháy	Phó Giám đốc
10/2007 – 10/2023	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh - Giám đốc phê duyệt tín dụng- Phó Giám đốc Chi nhánh Mỹ Đình kiêm Giám đốc MB Đan Phượng
10/2023 – 6/2024	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc phê duyệt tín dụng
15/6/2024 – nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ : 121.130 cổ phần, tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 121.130 cổ phần, tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với MB : Theo quy định nội bộ của Ngân hàng

Các khoản nợ đối với MB tại : 10,14 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng) thời điểm 30/06/2024

13.3. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

Bảng 38: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Phạm Như Ánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/05/2023
2	Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/6/2020
3	Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2014 Bổ nhiệm lại ngày 10/11/2020
4	Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2011 Bổ nhiệm lại ngày 15/06/2023
5	Ông Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/07/2024
6	Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/11/2015 Bổ nhiệm lại ngày 03/06/2024
7	Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2015
8	Đặng Thúy Dung	Kế Toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 02/05/2018 Bổ nhiệm lại ngày 20/06/2023

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

13.3.1. Ông Phạm Như Ánh - Tổng Giám đốc

Chi tiết sơ yếu lý lịch tại mục 12.1.5.

13.3.2. Bà Nguyễn Minh Châu - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Minh Châu**
Năm sinh : 1973
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Ngân hàng tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Quân đội
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
11/2009- 05/2017	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc
05/2017- 06/2020	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên cao cấp Ban điều hành
24/06/2020- nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ : 1.442.417 cổ phần, tỷ lệ 0,027% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân : 1.442.417 cổ phần, tỷ lệ 0,027% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Bùi Thu Hằng	Em dâu	4

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.834 triệu đồng
Tiền lương năm 2022: 2.757 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm : 0,28 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
30/06/2024

13.3.3. Ông Trần Minh Đạt - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Trần Minh Đạt**
Năm sinh : 1968
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại : Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội TCPH

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân đội (MBAMC)

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
02/2008- 06/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Minh Khai	Giám đốc Chi nhánh
07/2008- 09/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng	Giám đốc Chi nhánh
10/2011- 10/2014	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ	Giám đốc Chi nhánh
11/2014- nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc
04/2020 – nay	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân đội	Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Số cổ phần nắm giữ : 3.578.768 cổ phần, tỷ lệ 0,067% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 3.578.768 cổ phần, tỷ lệ 0,067% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.364 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.301 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại : 0 đồng
thời điểm 30/09/2024

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu
Hà Anh Dũng	Ông Trần Minh Đạt và Ông Hà Anh Dũng được MB ủy quyền đại diện vốn tại MBAMC	373.528
Hoàng Thu Thủy	Ông Trần Minh Đạt và Bà Hoàng Thu Thủy được MB ủy quyền đại diện vốn tại MBAMC	489.715

13.3.4. Bà Phạm Thị Trung Hà - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Phạm Thị Trung Hà**

Năm sinh : 1975

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc rủi ro tập đoàn
- Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
04/1997- 05/2003	Ngân hàng TMCP Quân đội	Nhân viên tín dụng
05/2003- 04/2004	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Phòng Tín dụng
04/2004- 09/2005	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Phòng Quản lý tín dụng
09/2005 - 11/2007	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng Phòng Quản lý tín dụng
12/2007- 09/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phụ trách Khối Quản trị rủi ro
10/2008 – 10/2009	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Giám đốc Khối
11/2009 - 04/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc Khối
04/2011- nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ : 2.613.749 cổ phần, tỷ lệ 0,049% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 2.613.749 cổ phần, tỷ lệ 0,049% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Phạm Thanh Bình	Em trai	113

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.761 triệu đồng
Tiền lương năm 2022: 2.688 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 9,27 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

13.3.5. Ông Nguyễn Xuân Học - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Xuân Học

Năm sinh : 1980

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin tập đoàn – Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
12/2003-03/2008	Chuyên viên IT	Trung tâm Công nghệ thông tin Hội sở
03/2008-05/2012	Trưởng phòng Phát triển CBS	Trung tâm Công nghệ thông tin mô hình cũ - Phòng phát triển CBS
05/2012-05/2013	Phó Giám đốc Trung tâm	Khối Công nghệ thông tin - Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ
05/2013-11/2015	Trưởng phòng	Khối Công nghệ thông tin - Phòng Quản trị Công nghệ thông tin
11/2015-08/2017	Phó Giám đốc Khối	Khối Công nghệ thông tin
08/2017-11/2018	Giám đốc Khối	Khối Công nghệ thông tin
07/2020-03/2022	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn	Ban Lãnh đạo
03/2022-04/2023	Thành viên Ban Điều hành kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn	Ban Lãnh đạo
07/2024- nay	Phó Tổng Giám đốc	Ban Lãnh đạo

Số cổ phần nắm giữ : 726.420 cổ phần, tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 726.420 cổ phần, tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Lý Thị Đông Giang	Em vợ	827

Lợi ích liên quan đối với MB : Theo quy định nội bộ của Ngân hàng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : Tại thời điểm 30/6/2024 chưa giữ chức danh Phó Tổng Giám Đốc

13.3.6. Ông Hà Trọng Khiêm - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Hà Trọng Khiêm

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Thực hành Quản trị Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 2 - Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
07/1996- 5/2001	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Nhân viên Tín dụng
5/2001- 10/2004	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Phó phòng
10/2004- 07/2006	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Trưởng Phòng
07/2006- 01/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Cần Thơ	Giám đốc Chi nhánh
01/2008- 10/2009	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN. Hồ Chí Minh	Giám đốc Chi nhánh
10/2009- 01/2013	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN. Sài Gòn	Giám đốc Chi nhánh
01/2013- 11/2015	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc phụ trách kinh doanh KVPN
11/2015- nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ : 673.127 cổ phần, tỷ lệ 0,013% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 673.127 cổ phần, tỷ lệ 0,013% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Nguyễn Quỳnh Mai	Vợ	996.670
Hà Trọng Khoa	Em trai	32.818
Nguyễn Như Quỳnh	Em dâu	118.026

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.258 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.200 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 0 đồng

điểm 30/09/2024

13.3.7. Ông Lê Quốc Minh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Lê Quốc Minh**

Năm sinh : 1979

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân, Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng - Học viện Hậu cần

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội (MIPEC)
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
01/2006- 09/2007	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 1	Phó Phòng Tín dụng Doanh nghiệp
09/2007- 03/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ	Trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp
03/2008- 12/2009	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng Phòng
12/2009- 04/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ninh Bình	Giám đốc Chi nhánh
04/2011- 11/2012	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Giám đốc Khối
11/2012- 11/2015	Ngân hàng TMCP Quân đội	Giám đốc Khối
11/2015- nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Tổng Giám đốc
06/2024- nay	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB (MB Capital)	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ : 2.023.171 cổ phần, tỷ lệ 0,038% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân : 2.023.171 cổ phần, tỷ lệ 0,038% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Lê Quốc Bình	Anh trai	6.749
Vũ Thu Thủy	Chị dâu	690
Lê Quốc Dũng	Em trai	81.684

Chu Hồng Kiên	Ông Chu Hồng Kiên và ông Lê Quốc Minh cùng là đại diện vốn góp của MB tại MB Capital	112.825
---------------	--	---------

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.233 triệu đồng
Tiền lương năm 2022: 2.176 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 6,64 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

13.3.8. Kế toán trưởng

Họ và tên : **Đặng Thúy Dung**
 Năm sinh : 1973
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Quân đội
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :
 Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
03/1999- 12/2004	Ngân hàng TMCP Quân đội	Nhân viên Kế toán
12/2004- 08/2005	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phụ trách bộ phận
08/2005- 10/2008	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó phòng Kế toán
10/2008- 12/2009	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng phòng Hỗ trợ Treasury
12/2009- 04/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội	Trưởng phòng Kế toán
04/2011- 03/2012	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thành viên chuyên trách
03/2012- 04/2017	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Giám đốc Khối Treasury
04/2017- 05/2018	Ngân hàng TMCP Quân đội	Phó Giám đốc Khối
05/2018- nay	Ngân hàng TMCP Quân đội	Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ : 298.135 cổ phần, tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ
 + Sở hữu cá nhân : 298.135 cổ phần, tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Vũ Thị Tuất	Mẹ đẻ	230.959

Đặng Thị Thủy	Em gái	156.316
Phạm Văn Giang	Em rể	693.686

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2022: 1.041 triệu đồng
Tiền lương năm 2023: 1.067 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm : 15.719 triệu đồng (Dư nợ khác)
30/06/2024

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

13. Tài sản
13.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 39: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.481	1.958	0,79	2.586	1.954	0,76	2.597	1.895	0,73
Máy móc thiết bị	2.990	1.049	0,35	3.281	831	0,25	3.625	837	0,23
Phương tiện vận tải	1.159	242	0,21	1.306	231	0,18	1.380	263	0,19
Các TSCĐ hữu hình khác	481	208	0,43	560	178	0,32	739	273	0,37
Tổng	7.111	3.458	0,49	7.733	3.194	0,41	8.341	3.268	0,39

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập
[Phần còn lại của trang này được cô ý bỏ trống]

Bảng 40: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.424	1.918	0,79	2.507	1.905	0,76	2.506	1.837	0,73
Máy móc thiết bị	2.495	826	0,33	2.672	589	0,22	2.901	551	0,19
Phương tiện vận tải	1.067	204	0,19	1.203	200	0,17	1.273	230	0,18
Các TSCĐ hữu hình khác	477	205	0,43	551	174	0,32	729	271	0,37
Tổng	6.463	3.153	0,49	6.934	2.869	0,41	7.409	2.889	0,39

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập
[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

13.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 41: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
Quyền sử dụng đất có thời hạn	1.102	883	0,80	1.153	914	0,79	1.153	898	0,78
Phần mềm máy vi tính	2.440	721	0,30	3.020	738	0,24	3.502	701	0,20
Tài sản cố định vô hình khác	23	12	0,52	23	8	0,35	25	8	0,32
Tổng	3.565	1.616	0,45	4.196	1.660	0,40	4.680	1.607	0,34

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý III/2024 do MB lập
[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 42: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Quyền sử dụng đất có thời hạn	1.085	866	0,80	1.136	897	0,79	1.136	882	0,78
Phần mềm máy vi tính	1.546	180	0,12	1.936	234	0,12	2.339	302	0,13
Tổng	2.631	1.046	0,40	3.072	1.132	0,37	3.475	1.184	0,34

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng Quý III/2024 do MB lập

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận
Bảng 43: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024

Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2023	KH năm 2024	% tăng/giảm KH 2024 so với TH năm 2023
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	52.141	61.643	Tăng 18,22%
Huy động vốn (Tỷ đồng)	671.154	Tăng trưởng phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn	
Tổng tài sản(Tỷ đồng)	944.954	Tăng ~ 13%	Tăng ~ 13%
Tín dụng (Tỷ đồng)	651.346	Tăng trưởng 15-16% (theo giới hạn NHNN)	Tăng trưởng 15-16%
Tỷ lệ nợ xấu	1,6%	≤2%	≤2%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	26.306	Tăng trưởng 6-8%	Tăng trưởng 6-8%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	<i>Thực hiện trong năm 2023 theo phương án được ĐHĐCĐ phê duyệt: 15% chia cổ tức bằng cổ phiếu và 5% chia cổ tức bằng tiền mặt;</i>	10-20%	

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân đội

❖ Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024:

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024 của MB đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:

Cơ sở để HĐQT của MB đưa ra kế hoạch kinh doanh này như sau:

Trên cơ sở mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022 – 2026 đã được HĐQT phê duyệt, đi kèm với các dự báo về điều kiện kinh tế vĩ mô, chính sách của Chính Phủ, NHNN và các nhiệm vụ kinh doanh trọng tâm năm 2024 như:

- Công ty Thành viên nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo hiệu quả hoạt động, tăng tốc chuyển đổi số. Phân đầu LNTT tăng trưởng 20-30%, kiểm soát chất lượng danh mục, quản trị chi phí hiệu quả. Tăng cường phối hợp bán chéo Tập đoàn, quản trị rủi ro chặt chẽ.
- Tăng cường đầu tư nền tảng CNTT, triển khai đầu tư các giải pháp công nghệ mới phục vụ hoạt động kinh doanh, tăng tỷ lệ tự động hóa trong công tác quản trị và vận hành,

nâng cao chất lượng hoạt động, tăng tiện ích cho khách hàng.

- Tăng trưởng tín dụng chất lượng, tập trung các nhóm ngành trọng tâm theo chỉ đạo tín dụng, đảm bảo tăng trưởng đồng đều tại các khu vực/loại hình chi nhánh. Kiểm soát chất lượng tín dụng chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu tập đoàn $\leq 2,0\%$, duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu $> 100\%$. Tập trung triển khai cơ cấu nợ theo TT02 và cơ cấu nợ thông thường hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của NHNN.
- Điều hành huy động vốn linh hoạt và hiệu quả, kịp thời có các giải pháp huy động vốn phù hợp, tăng CASA để tối ưu chi phí vốn. Đảm bảo các chỉ số an toàn của NHNN và thanh khoản toàn tập đoàn.
- Quản trị chi phí chặt chẽ, kiểm soát tỷ lệ chi phí/ thu thuần kinh doanh CIR $< 30\%$.
- Phát triển hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng, tiếp tục quy hoạch và mở mới 32 Smartbank với mục tiêu 100 Smartbank đến cuối năm 2024
- Tăng cường đào tạo chuyên môn nâng cao chất lượng nguồn lực, mục tiêu tăng trưởng $\sim 10\%$ năng suất lao động, bồi dưỡng và thu hút nhân tài ưu tiên cho nhóm Kinh doanh, Công nghệ - Dữ liệu - Số.

Tính đến 30/09/2024, tổng giá trị huy động vốn của MB đạt 714.545 tỷ đồng, tăng 6,47% so với năm 2023. Tổng tài sản đạt 1.028.819 tỷ đồng tăng 8,88% so với năm 2023, đạt 96,35% kế hoạch đặt ra. Tỷ lệ nợ xấu 2,23%. Lợi nhuận trước thuế tính đến 30/9/2024 đạt 20.736 tỷ đồng đạt 78,83% kế hoạch đặt ra.

❖ Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Năm 2024, MB đã thực hiện 02 phương án tăng vốn điều lệ trên cơ sở nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 thông qua như sau:

- MB đã hoàn thành tăng 730.000.000.000 VND vốn điều lệ thông qua chào bán riêng lẻ thành công 73.000.000 cổ phiếu phổ thông theo Quyết nghị của HĐQT thường niên năm 2023. Ngân hàng Nhà Nước đã ra quyết định số 811/QĐ-NHNN ngày 02/05/2024 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội, trong đó vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội là 52.870.840.520.000 đồng;
- Tăng 192.400.000.000 VND vốn điều lệ thông qua phát hành 19.240.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động. MB đã hoàn thành phát hành 19.240.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, số cổ phiếu có quyền biểu quyết tăng từ 5.287.084.052 cổ phiếu lên 5.306.341.052 cổ phiếu.

Tại HĐQT thường niên năm 2024, HĐQT đã thông qua tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm 8.579.486.070.000 VND, bao gồm:

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ mới năm 2024: 7.959.486.070.000 VND thông qua phát hành 795.948.607 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức (tương đương với tỷ lệ 15% tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành tại thời

điểm vốn điều lệ đạt 53.063.240.520.000 VND);

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc tiếp tục thực hiện chuyển tiếp phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ MB thông qua năm 2023 và Ngân hàng Nhà Nước chấp thuận: 620.000.000.000 VND;
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ năm 2024 là 61.642.726.590.000 VND.
- Thời gian hoàn tất tăng vốn điều lệ theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua phụ thuộc vào các văn bản, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân Đội cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổ Chức Phát Hành đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân Đội ổn định và có tiềm năng phát triển. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực mà Tổ Chức Phát Hành đã đạt được cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay thì có thể nói kế hoạch kinh doanh, doanh thu/thu nhập và lợi nhuận mà MB đã đề ra trong những năm tới là khả thi nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân Hàng. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng khi tự mình ra quyết định đầu tư vào trái phiếu của MB.

Đánh giá về khả năng trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Theo phương án phát hành Trái phiếu, Kế hoạch nguồn trả nợ của MBB như sau:

Nội dung	Thời gian trả nợ	Nguồn trả nợ
Kế hoạch trả lãi trái phiếu	Vào Ngày Thanh Toán Lãi Hàng Năm và Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.	Nguồn thu từ các khoản cho vay hoặc dùng các nguồn cho vay hoặc dùng các nguồn đầu tư đến hạn khác (Không bao gồm các khoản cho vay/các khoản đầu tư từ nguồn vốn thu được từ đợt

		phát hành CP riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024)
Kế hoạch trả gốc trái phiếu	Vào ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc ngày mua lại theo thoả thuận hoặc ngày đáo hạn Trái Phiếu.	Nguồn thu từ các khoản cho vay hoặc dùng các nguồn cho vay hoặc dùng các nguồn đầu tư đến hạn khác (Không bao gồm các khoản cho vay/các khoản đầu tư từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành CP riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024)

Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu đang dự kiến chào bán.

Trên cơ sở kết quả kinh doanh tích cực, hoạt động kinh doanh liên tục lãi qua các năm, cùng với thương hiệu uy tín, tiềm lực tài chính mạnh của MB. Tổ chức Tư vấn đánh giá khả năng trả nợ gốc và lãi trái phiếu của MBB là có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất thường, bất lợi và bất khả kháng làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của MBB.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

❖ Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến thời điểm ngày 31/10/2024, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 33.024.553,6 triệu đồng, trong đó:

- Trái phiếu tăng vốn cấp 2: 15.024.553,6 triệu đồng,
- Trái phiếu trung hạn: 18.000.000 triệu đồng.

Chi tiết danh sách trái phiếu đang lưu hành theo bảng dưới đây:

Bảng 44: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại MB

	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)
1	MB.2018.10Y.01	1.700	170.000	16/10/2018	16/10/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,8%	6,48%	10

	Mã Trái phiếu.	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)
2	MB.2018.10Y.02	1.400	140.000	17/10/2018	17/10/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,50%	8,50%	10
3	MB.2018.10Y.03	250	25.000	26/10/2018	26/10/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,50%	8,50%	10
4	MB.2018.10Y.04	450	45.000	28/11/2018	28/11/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,50%	8,50%	10
5	MB.2018.10Y.05	200	20.000	28/11/2018	28/11/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,50%	8,50%	10
6	MB.2018.7Y.01	400	40.000	29/11/2018	29/11/2025	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,40%	8,40%	7
7	MB.2018.7Y.02	4.000	400.000	12/12/2018	12/12/2025	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,7%	6,88%	7
8	MB.2019.10Y.01	600	60.000	30/09/2019	30/09/2029	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,60%	8,60%	10
9	MB.2019.10Y.02	800	80.000	04/11/2019	04/11/2029	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,70%	8,70%	10
10	MB.BON D.2017.10 Y.01	5.000	500.000	07/09/2017	07/09/2027	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5 năm đầu: 8,4% - 5 năm tiếp: 8,6%	8,60%	10
11	MB.BON D.2017.10 Y.08	200	20.000	10/10/2017	10/10/2027	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5 năm đầu: 8,4% - 5 năm tiếp: 8,6%	8,60%	10
12	MB.BON D.2017.7Y .10	600	60.000	24/11/2017	24/11/2024	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,45%	8,45%	7
13	MB.BON D.2017.7Y .13	2.000	200.000	14/12/2017	14/12/2024	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,73%	6,90%	7
14	MB.BON D.2017.7Y .14	6.000	600.000	22/12/2017	22/12/2024	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,73%	6,68%	7
15	MB.BON D.2017.7Y .16	250	25.000	28/12/2017	28/12/2024	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,45%	8,45%	7
16	MBBH212 8002	10.000	100.000	31/08/2021	31/08/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,7%	6,38%	7
17	MBBH243 0001	3.951.028	395.103	15/07/2024	15/07/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	6,08%	6,08%	6

	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại	Kỳ hạn (năm)
								(/năm)	
18	MBBL212 8001	17.000	170.000	31/08/2021	31/08/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5,45%	6,38%	7
19	MBBL212 8004	12.000	120.000	10/09/2021	10/09/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5,45%	6,38%	7
20	MBBL212 8005	24.500	245.000	20/09/2021	20/09/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5,45%	6,38%	7
21	MBBL212 8008	20.000	200.000	05/10/2021	05/10/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5,45%	6,38%	7
22	MBBL212 8009	22.000	220.000	25/10/2021	25/10/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5,45%	7,20%	7
23	MBBL212 8011	8.000	80.000	25/10/2021	25/10/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5,45%	6,38%	7
24	MBBL222 7006	36.000	360.000	29/04/2022	30/04/2027	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	5,45%	6,18%	5
25	MBBL222 7007	5.000	50.000	06/05/2022	07/05/2027	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,5%	6,18%	5
26	MBBL222 7008	4.000	40.000	09/05/2022	10/05/2027	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,3%	6,18%	5
27	MBBL222 7015	5.000	50.000	15/06/2022	16/06/2027	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,4%	6,08%	5
28	MBBL222 9016	5.000	50.000	15/06/2022	15/06/2029	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	7,05%	7,05%	7
29	MBBL222 9020	10.000	100.000	16/09/2022	16/09/2029	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,5%	6,18%	7
30	MBBL222 9021	200	200.000	30/12/2022	30/12/2029	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	8,80%	8,80%	7
31	MBBL232 8008	50	50.000	12/12/2023	13/12/2028	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(1,5%)	6,68%	5
32	MBBL233 0001	100	100.000	22/09/2023	22/09/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	7,50%	7,50%	7
33	MBBL233 0002	200	200.000	29/09/2023	29/09/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	7,50%	7,50%	7
34	MBBL233 0003	50	50.000	03/10/2023	03/10/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(1,5%)	6,18%	7

	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)
35	MBBL2330004	100	500.000	13/10/2023	13/10/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%)	6,48%	7
36	MBBL2330005	1.000	1.000.000	25/10/2023	25/10/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%)	6,48%	7
37	MBBL2330006	500	500.000	17/11/2023	17/11/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%)	6,93%	7
38	MBBL2330007	400	400.000	07/12/2023	07/12/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%)	6,88%	7
39	MBBL2330009	200	200.000	18/12/2023	18/12/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%)	6,98%	7
40	MBBL2330010	100	100.000	28/12/2023	28/12/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%)	6,65%	7
41	MBBL2330011	199	199.000	29/12/2023	29/12/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%)	6,75%	7
42	MBBL2330012	150	150.000	29/12/2023	29/12/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,2%)	6,75%	7

	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)
43	MBBL242 6012	20.000	2.000.000	19/06/2024	19/06/2026	Trái phiếu trung hạn	5,28%	5,28%	2
44	MBBL242 6014	20.000	2.000.000	20/06/2024	20/06/2026	Trái phiếu trung hạn	5,28%	5,28%	2
45	MBBL242 6018	20.000	2.000.000	25/07/2024	25/07/2026	Trái phiếu trung hạn	5,45%	5,45%	2
46	MBBL242 6019	20.000	2.000.000	26/07/2024	26/07/2026	Trái phiếu trung hạn	5,45%	5,45%	2
47	MBBL242 7015	20.000	2.000.000	23/07/2024	23/07/2027	Trái phiếu trung hạn	5,45%	5,45%	3
48	MBBL242 7016	20.000	2.000.000	24/07/2024	24/07/2027	Trái phiếu trung hạn	5,45%	5,45%	3
49	MBBL242 7017	20.000	2.000.000	25/07/2024	25/07/2027	Trái phiếu trung hạn	5,45%	5,45%	3
50	MBBL242 7020	20.000	2.000.000	01/08/2024	01/08/2027	Trái phiếu trung hạn	5,45%	5,45%	3
51	MBBL242 7021	20.000	2.000.000	05/08/2024	05/08/2027	Trái phiếu trung hạn	5,45%	5,45%	3
52	MBBL243 1001	150	150.000	27/03/2024	27/03/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,2%)	6,50%	7
53	MBBL243 1002	100	100.000	29/03/2024	29/03/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, 2 năm cuối 2,00%)	6,20%	7
54	MBBL243 1005	1.000	1.000.000	08/04/2024	08/04/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0%)	6,18%	7
55	MBBL243 1006	100	100.000	08/04/2024	08/04/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0%)	6,18%	7

	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại	Kỳ hạn (năm)
								(/năm)	
56	MBBL243 1007	100	100.000	09/04/2024	09/04/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %)	6,18%	7
57	MBBL243 1009	400	400.000	22/04/2024	22/04/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %)	6,18%	7
58	MBBL243 1010	301	301.000	26/04/2024	26/04/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %)	6,18%	7
59	MBBL243 1011	200	200.000	27/05/2024	27/05/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,2 %)	6,18%	7
60	MBBL243 1013	1.000	1.000.000	20/06/2024	20/06/2031	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,7 %)	6,18%	7
61	MBBL243 2004	200	200.000	04/04/2024	04/04/2032	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,6%, các năm sau 2,1 %)	6,28%	8
62	MBBL243 4003	800	800.000	29/03/2024	29/03/2034	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 5 năm cuối 2,6 %)	6,50%	10
63	MBBL243 4008	200	200.000	17/04/2024	17/04/2034	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + Biên độ (5 năm đầu	6,48%	10

	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)
							1,8%, các năm sau 2,3 %)		
64	MBBH2430002	22.594.508	2.259.450,80	30/10/2024	30/10/2030	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	6,175%	6,175%	6
	Tổng		33.024.553,6						

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, MB đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niên yết :

Không có

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. Tên Trái phiếu:

Trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (MBBH2430002)

2. Loại trái phiếu:

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2 của theo quy định.

3. Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp);
- Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào;

- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào.

4. Mệnh giá:

100.000 đồng/trái phiếu (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng một trái phiếu)

5. Tổng số trái phiếu niêm yết:

22.594.508 trái phiếu

6. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Không có

7. Xếp hạng tín nhiệm:

Trái phiếu này không yêu cầu xếp hạng tín nhiệm.

MB chưa có kết quả xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

8. Mã Trái phiếu:

MBB124022

9. Ngày Phát Hành:

30/10/2024

10. Ngày Đáo Hạn:

30/10/2030

11. Kỳ hạn Trái Phiếu:

6 năm

12. Mục đích phát hành:

Mục đích bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật.

Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng phù hợp với mục đích phát hành đã được các cấp có thẩm quyền thông qua.

13. Nguồn thanh toán trái phiếu**Nguồn thanh toán lãi và gốc trái phiếu:**

Nguồn thu từ các khoản cho vay hoặc dùng các nguồn cho vay hoặc dùng các nguồn đầu

tư đến hạn khác (Không bao gồm các khoản cho vay/các khoản đầu tư từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024).

14. Lãi suất:

Nguyên tắc xác định lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi của trái phiếu được Tổ chức phát hành xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất, bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 1,5%/năm.

“Ngày Bắt Đầu Tính Lãi Trái Phiếu” là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc trước Ngày Phát Hành 01 (một) Ngày Làm Việc đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên. Đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Ngày Xác Định Lãi Suất là Ngày Làm Việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày Phát Hành 07 (bảy) Ngày Làm Việc.

Theo nguyên tắc xác định lãi suất như trên, ngày 29/10/2024, MB đã công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) về kết quả xác định lãi suất Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội mã trái phiếu MBBH2430002 ngày phát hành 30/10/2024, ngày đáo hạn 30/10/2030 áp dụng cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên từ và bao gồm ngày 30/10/2024 đến nhưng không bao gồm ngày 30/10/2025 là 6,175%/năm.

15. Kỳ trả lãi:

“Kỳ Tính Lãi”: là 12 tháng 1 lần, kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

“Kỳ Thanh Toán Lãi”: là mỗi thời hạn kéo dài 12 (mười hai) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành mỗi đợt cho đến Ngày Đến Hạn Gốc.

16. Phương pháp tính giá

Trái Phiếu MBBH2430002 là trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất cho Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là 6,175%/năm. Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo được tính bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 1,5%/năm.

Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận vào kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

- (1) Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
- (2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
- (3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất cố định đã công bố áp dụng;
- (4) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
- (5) Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
- (6) Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...);
- (7) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 Đồng/Trái Phiếu;
Ngày phát hành:	30/10/2024
Ngày đáo hạn (Maturity):	30/10/2030
Kỳ hạn:	6 năm
Kỳ trả lãi (Frequency):	vào các ngày 30/10 hàng năm

Lãi suất (CPN):	6,175%/năm
Giá định ngày định giá (giá định cũng là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn dự kiến)	30/12/2024
Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại	6 kỳ vào các ngày 30/10/2025, 30/10/2026, 30/10/2027, 30/10/2028, 30/10/2029, 30/10/2030
Lãi coupon đã xác định	6,175%/năm cho kỳ thanh toán lãi vào ngày 30/10/2025
Lãi coupon chưa xác định	Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động, giả sử lãi áp dụng cho các kỳ tính lãi là 6,175%
Lợi suất yêu cầu ¹ hay Lãi suất chiết khấu (k)	Bảng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 1,5%/năm.
Cơ sở tính ngày (day count convention)	Actual/365
Lãi suất tham chiếu giả định tại ngày niêm yết:	4,675%/năm

¹ Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả sử tại ngày niêm yết dự kiến 30/12/2024, giá của Trái phiếu là

Ngày	Kỳ trả lãi	Số ngày tính lãi trong kỳ	Số ngày năm giữ	Lãi suất coupon (CPN) %	K	Dòng tiền lãi CF(i) = Mệnh giá*CPN* Số ngày thực tế còn lại của Kỳ Tính Lãi/365	Gốc trái phiếu	CF/(1+k) ⁱ	FV/(1+k) ⁿ
30/10/2025	1	304	304	6,175%	6,175%	6,175		5.874,40	
30/10/2026	2	365	669	6,175%	6,175%	6,175		5.532,75	
30/10/2027	3	365	1034	6,175%	6,175%	6,175		5.210,98	
30/10/2028	4	366	1400	6,175%	6,175%	6,192		4.920,55	
30/10/2029	5	365	1765	6,175%	6,175%	6,175		4.621,72	
30/10/2030	6	365	2130	6,175%	6,175%	6,175	100.000	4,352,92	70.492,68
Tổng cộng								30.513,32	

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, tại ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HNX dự kiến 30/12/2024, giá của Trái Phiếu là: (30.513+70.493)=101.006 VND một trái phiếu (bằng tổng của các giá trị PV).

17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;

- Ngày phát hành: 30/10/2024;
- Ngày đáo hạn: 30/10/2030;
- Kỳ trả lãi: vào các ngày 30/10 hàng năm;
- Lãi suất: 6,175%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tính lãi sau giả định lãi suất trái phiếu vẫn là 6,175%/năm
- Ngày giao dịch dự kiến: **30/12/2024**
- Giá giao dịch dự kiến: **101.006 VND**
- Lợi suất yêu cầu hay lãi suất chiết khấu /năm: k

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 30/12/2024 với giá **101.006 VND** và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: k = 6,175%/năm

18. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Không có vì Trái phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không chuyển đổi.

19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước tới nay. Trong những năm qua Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách để kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

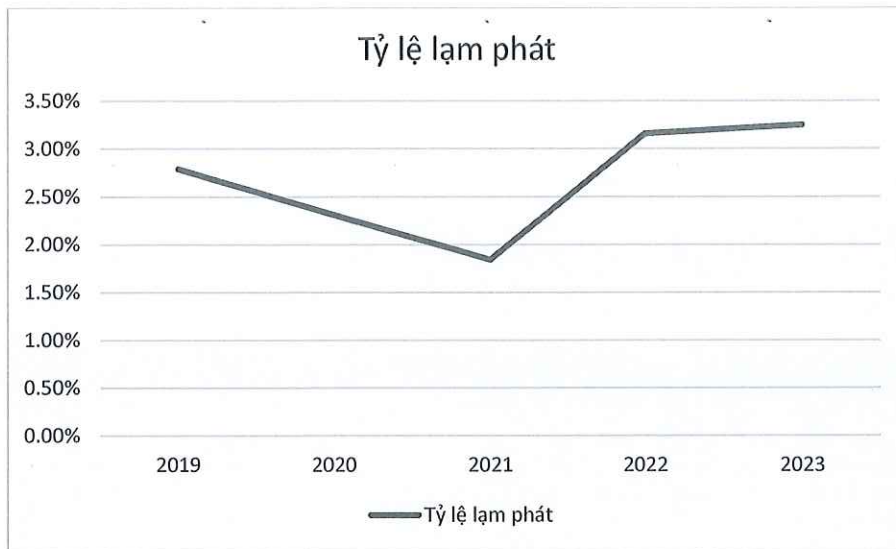
Giá trị trái phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ trái phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị trái phiếu.

Có thể kết luận rằng tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái phiếu. Trong trường hợp diễn biến nền kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái phiếu không biến động bất thường, Trái phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số nguyên nhân sau đây:

Trái phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kì xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ chức Đăng ký Niêm yết giảm thiểu những rủi ro tăng giảm lãi suất của thị trường.

Tỷ lệ lạm phát 5 năm vừa qua (từ năm 2019 đến năm 2023) lần lượt như sau: năm 2019 tỷ lệ lạm phát ở mức 2,79%, năm 2020 tỷ lệ lạm phát ở mức 2,31%, năm 2021 tỷ lệ lạm phát

ở mức 1,84%, năm 2022 tỷ lệ lạm phát ở mức 3,16%, năm 2023 tỷ lệ lạm phát ở mức 3,25%.



Xét về tình hình vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình hồi phục sau khủng hoảng kinh tế, Chính phủ luôn có những chính sách để kiểm chế lạm phát qua các năm, tỷ lệ lạm phát trong 5 năm vừa qua ở mức không quá cao do đó rủi ro lạm phát tăng trong các năm tới dự kiến sẽ không ở mức quá cao. Ảnh hưởng của lạm phát đối với trái phiếu được đánh giá là không đáng kể.

20. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với loại trái phiếu do MB phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định giới hạn về tỷ lệ sở hữu người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, trong tương lai việc NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng trái phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

22. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

(a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

(d) Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSDC ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, Đại lý phân phối, Tư vấn đăng ký chứng khoán và Tư vấn đăng ký niêm yết

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 024 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.

Điện thoại: 024 3831 5100

Fax : 024 3831 5090

Website : www.ey.com

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VIII. TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

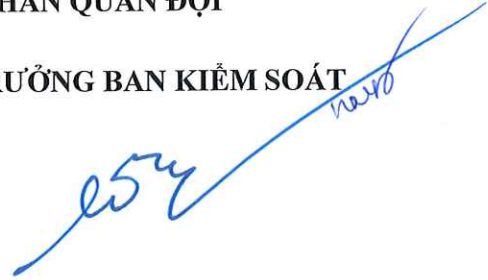
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Lưu Trung Thái



Lê Thị Lợi

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Như Ánh

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thanh Nga

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

TL



Lê Thành Nam

